

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Chương trình theo Thông tư 05/2020

**HỌC PHẦN II**  
**(Mã học phần: 862407)**  
(Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

# **BÀI 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

## **I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nắm vững âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và cách mạng Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó để mỗi người đề cao cảnh giác cách mạng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang làm thất bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chúng.

- Ra sức học tập trao dồi phẩm chất, năng lực của công dân nói chung của đoàn viên thanh niên nói riêng, kế tiếp các thế hệ cha anh góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## **II – NỘI DUNG**

### **1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.**

a/ Khái niệm: “Diễn biến hòa bình” là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiến bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành”.

Nội dung chính của chiến lược “Diễn biến hòa bình” là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn như: kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh... để phá hoại, làm suy yếu từ bên trong, đồng thời lợi dụng các mâu thuẫn trong xã hội kích động nhằm tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sắc tộc, khuyến khích tư nhân hóa về kinh tế, đa nguyên về chính trị, làm mờ hồ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nhân dân lao động.

b/ Sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hòa bình”

- Giai đoạn từ 1945 – 1980: đây là giai đoạn manh nha hình thành chiến lược “Diễn biến hòa bình” và được bắt nguồn từ nước Mỹ...

- Giai đoạn từ năm 1980 đến nay: chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch từng bước hoàn thiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” và trở thành chiến lược chủ yếu tiến công các nước xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt trong giai đoạn 1980 – 1990 chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” làm sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục ra sức sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” để thực hiện âm mưu xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Trong đó có Việt Nam và Việt Nam là một trọng điểm chống phá của chúng.

c/ Bạo loạn lật đổ

- Khái niệm: Là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng ly khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương.

- Hình thức của bạo loạn gồm có: bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang hoặc bạo loạn chính trị kết hợp với bạo loạn vũ trang.

Đây là một trong những thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động gắn với chiến lược “Diễn biến hòa bình” để xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa

- Quy mô bạo loạn lật đổ có thể diễn ra ở nhiều mức độ, từ quy mô nhỏ đến lớn, phạm vi địa bàn xảy ra bạo loạn có thể ở nhiều nơi, nhiều vùng, trọng điểm là những vùng trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hóa của Trung ương và địa phương, nơi nhạy cảm về chính trị, hoặc khu vực địa bàn mà cơ sở chính trị của địa phương yếu kém.

## **2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam**

a/ Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam.

- Chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là một trọng điểm trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” chống chủ nghĩa xã hội.

+ Từ đầu năm 1950 đến 30/04/ 1975 chủ nghĩa đế quốc dùng hành động quân sự để xâm lược và muốn biến Việt Nam thành thuộc địa vĩnh viễn của chúng, nhưng đã bị thất bại hoàn toàn.

+ Sau tháng 04/1975. Khi dùng vũ trang xâm lược không thành công chúng đã chuyển sang chiến lược mới như: “bao vây cấm vận kinh tế”, “cô lập về ngoại giao”, kết hợp với “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Lợi dụng thời kỳ nước ta gặp khó khăn về kinh tế - xã hội do hậu quả của chiến tranh để lại, và sự biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam.

+ Từ năm 1995 đến nay trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đã tuyên bố xóa bỏ “cấm vận kinh tế” và bình thường hóa quan hệ ngoại giao để chuyển sang thủ đoạn mới, đẩy mạnh xâm nhập như: “dính líu”, “ngầm”, “sâu, hiểm” nhằm chống phá cách mạng Việt Nam quyết liệt hơn, toàn diện hơn.

- Mục tiêu nhất quán của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trong sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với cách mạng Việt Nam là thực hiện âm mưu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi theo con đường chủ nghĩa tư bản và lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc...Để đạt được mục tiêu đó các thế lực thù địch đã không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn chống phá nào trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” nhưng tập trung nhất vào 6 thủ đoạn sau:

+ Thủ đoạn về kinh tế: Chúng muốn chuyển hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam dần dần theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa...

+ Thủ đoạn về chính trị: Các thế lực thù địch kích động đòi thực hiện chế độ “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập”, “tự do hóa” mọi mặt đời sống xã hội, từng bước xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

+ Thủ đoạn về tư tưởng – văn hóa: Chúng thực hiện nhiều hoạt động nhằm xóa bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc tuyên truyền xuyên tạc để từng bước làm phai mờ bản sắc văn hóa và giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

+ Thủ đoạn trong lĩnh vực tôn giáo - dân tộc: Lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để truyền đạo trái phép, kích động gây mất ổn định khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam.

+ Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng – an ninh: Chúng kích động đòi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối với lực lượng vũ trang để “vô hiệu hóa lực lượng vũ trang”.

+ Thủ đoạn trên lĩnh vực đối ngoại: Tìm cách chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa, hạ thấp uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

b/ Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam

- Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chú trọng nuôi dưỡng các tổ chức phản động người Việt Nam đang sống lưu vong ở nước ngoài để kết hợp với các phần tử cực đoan, bất mãn trong nước gây rối, làm mất ổn định xã hội ở một số vùng nhạy cảm như: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ

Vùng Tây Bắc chúng kích động người H'Mông đòi thành lập khu tự trị riêng; vùng Tây Nguyên chúng ra sức tuyên truyền thành lập nhà nước Đê Ga chờ thời cơ thuận lợi để tiến hành lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thủ đoạn cơ bản mà các thế lực thù địch đã và đang sử dụng để tiến hành bạo loạn lật đổ chính quyền ở một số địa phương nước ta là:

+ Kích động sự bất bình của quần chúng

+ Dụ dỗ và cưỡng ép nhân dân biểu tình làm chỗ dựa cho lực lượng phản động trà trộn hoạt động đập phá trụ sở, rồi uy hiếp khống chế cơ quan quyền lực của địa phương, tìm cách mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng và kêu gọi sự tài trợ tiền của, vũ khí của nước ngoài để tăng thêm sức mạnh.

Đối với chúng ta yêu cầu đặt ra là:

- Phải nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian thực hiện của chúng.

- Nắm vững nguyên tắc xử lý trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ là: Nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng, kéo dài.

**3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng và Nhà nước ta.**

a/ Mục tiêu:

Kẻ thù dùng chiến lược “Diễn biến hòa bình” với mục tiêu làm chuyển hóa chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Vì vậy vấn đề đặt ra cho toàn Đảng toàn dân toàn quân ta là: Phải làm thất bại âm mưu thủ đoạn trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước, tạo môi trường hòa bình để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc.

b/ Nhiệm vụ:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Đây là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh hiện nay, đồng thời còn là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài. Chủ động phát hiện âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với nước ta, kịp thời tiến công ngay từ đầu. Xử lý nhanh chóng, hiệu quả khi có bạo loạn xảy ra và luôn bảo vệ tốt chính trị nội bộ.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Nâng cao năng lực xử lý thông tin, dự báo, tham mưu chiến lược, chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống của các thế lực thù địch, phản động, các loại tội phạm; ngăn chặn âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, khủng bố, phá hoại”.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã ghi rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

**c/ Quan điểm chỉ đạo (3 quan điểm)**

- Đấu tranh chống “Diễn biến hòa bình” là một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.

- Chống “Diễn biến hòa bình” là cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hiện nay để bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống “Diễn biến hòa bình”.

**d/ Phương châm tiến hành (3 phương châm)**

- Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Chủ động kiên quyết, khôn khéo trong xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn.

- Xây dựng tiềm lực vững mạnh của đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam.

**4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay (7 giải pháp)**

a) Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế.

b) Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động bất ngờ.

c) Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân.

d) Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt.

e) Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh.

g) Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch.

h) Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động.

Kết luận: Thực tế đã chứng minh chủ nghĩa đế quốc dùng chiến tranh xâm lược để áp đặt sự thống trị của mình lên các quốc gia dân tộc trên thế giới đều đã bị thất bại. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) kết thúc một nước xã hội chủ nghĩa ra đời đó là Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết (gọi tắt là Liên Xô) mở ra một thời đại mới: Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 – 1945) kết thúc hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa ra đời, trong đó có nước ta nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Dùng bạo lực (quân sự) không thành công, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đã sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” và chúng đã thành công với việc làm cho các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô (cũ) tan rã và sụp đổ, trong thập kỷ 80, 90 của thế kỷ XX

Hiện nay chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã và đang tiếp tục sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” để chống phá các nước tiến bộ và các nước xã hội chủ nghĩa trong đó Việt Nam ta là một trọng điểm chống phá của chúng.

Khi nghiên cứu chuyên đề này các anh, chị cần làm rõ:

- Thứ nhất có chiến lược “Diễn biến hòa bình”, hay không có chiến lược “Diễn biến hòa bình”. Lấy từ thực tế cách mạng Việt Nam trong thời gian qua để chứng minh có hay không có chiến lược “Diễn biến hòa bình”.

- Thứ hai khi khẳng định chiến lược “Diễn biến hòa bình” là có thật thì bản thân các anh, chị phải làm gì để phòng và chống chiến lược “Diễn biến hòa bình” có hiệu quả.

### **CÂU HỎI**

1. Âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa như thế nào?

2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá đối với Việt Nam hiện nay?

3. Phương hướng, giải pháp cơ bản phòng, chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ? Liên hệ với vai trò trách nhiệm của thanh niên, học sinh trong phòng chống “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ?

## **BÀI 2: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Trang bị cho học sinh, sinh viên những kiến thức chung, cơ bản về dân tộc, tôn giáo, giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả, quán triệt, tuyên truyền, thực hiện quan điểm, chính sách dân tộc tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta, cảnh giác đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

### **II. NỘI DUNG**

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã định hướng về đại đoàn kết toàn dân tộc: “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội”.

## **1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc**

### **a/ Một số vấn đề chung về dân tộc**

- Khái niệm: Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ, quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa, đặc điểm tâm lý, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc.

- Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới:

+ Hiện nay, trước sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa kinh tế diễn ra mạnh mẽ, làm cho quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường. Như Đảng ta đã nhận định: trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trong quan hệ giữa các dân tộc.

+ Mặt khác, quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra rất phức tạp, nóng bỏng ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Mâu thuẫn, xung đột dân tộc, sắc tộc, xu hướng li khai, chia rẽ dân tộc đang diễn ra ở khắp các quốc gia, các khu vực, các châu lục trên thế giới...

+ Vấn đề quan hệ mâu thuẫn xung đột dân tộc, sắc tộc đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường cho các quốc gia, đe dọa hòa bình, an ninh khu vực và thế giới.

- Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.

+ Vấn đề dân tộc là những nội dung nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội có tác động đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc với nhau, cần phải giải quyết.

+ Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của V.I. Lênin. Đó là các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

Trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, bám sát thực tiễn cách mạng, đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm dân tộc đúng đắn, góp phần cùng toàn Đảng, lãnh đạo nhân dân ta giải phóng dân tộc; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh về nội dung toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng.

Lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

b/ Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay

- Khái quát đặc điểm các dân tộc ở nước ta hiện nay:

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc ở Việt Nam có đặc trưng sau:

Một là, các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất.

Hai là, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo.

Ba là, các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều. Theo số liệu điều tra dân số năm 1999, nước ta có 54 dân tộc: Dân tộc Kinh có 65,9 triệu người, chiếm 86,2% dân số cả nước, 53 dân tộc thiểu số có 10,5 triệu người chiếm 13,8% dân số cả nước.

Bốn là, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hóa riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hóa Việt Nam.

- Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay
- + Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- + Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chống các biểu hiện kì thị, hẹp hòi chia rẽ dân tộc.

## **2 - Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo**

### **a/ Một số vấn đề chung về tôn giáo**

- Khái niệm tôn giáo
- + Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lý, hành vi của con người.

Trong đời sống xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội, với các yếu tố: hệ thống giáo lý tôn giáo, nghi lễ tôn giáo, tổ chức tôn giáo với đội ngũ giáo sĩ và tín đồ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo.

- Cần phân biệt tôn giáo với mê tín dị đoan:

Mê tín dị đoan là những hiện tượng (ý thức, hành vi) cuồng vọng của con người đến mức mê muội, trái với lẽ phải và hành vi đạo đức, văn hóa cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực trực tiếp đến đời sống vật chất, tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội. Đây là một hiện tượng xã hội tiêu cực, phải kiên quyết bài trừ, nhằm lành mạnh hóa đời sống tinh thần xã hội.

### **b/ Nguồn gốc của tôn giáo**

- Nguồn gốc kinh tế – xã hội:
- Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo:
- Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo:
- \* Tính chất của tôn giáo: Cũng như các hình thái ý thức xã hội khác, tôn giáo có tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.

### **c/ Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

- Tình hình tôn giáo trên thế giới:



+ Hiện nay, trên thế giới có tới 10.000 tôn giáo khác nhau, trong đó khoảng 150 tôn giáo có hơn 1 triệu tín đồ.

+ Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay gồm có: Kitô giáo (bao gồm Công giáo, Tin lành, Anh giáo hay Chính thống giáo) có khoảng 1,3 tỷ tín đồ, chiếm 33% dân số thế giới; Hồi giáo: 1 tỷ tín đồ, chiếm 22% dân số thế giới; Ấn Độ giáo: 900 triệu tín đồ, chiếm 15% dân số thế giới và Phật giáo: 360 triệu, chiếm 6% dân số thế giới.

+ Các tôn giáo lớn đã có 4,2 tỷ người tin theo, chiếm 76% dân số thế giới.

+ Các tôn giáo đều có xu hướng mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu; các tôn giáo cũng có xu hướng dân tộc hóa, bình dân hóa, mềm hóa các giới luật, lễ nghi để thích nghi, tồn tại, phát triển trong từng quốc gia dân tộc; các tôn giáo cũng tăng các hoạt động giao lưu, thực hiện thêm các chức năng phi tôn giáo theo hướng thế tục hóa, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để mở rộng ảnh hưởng làm cho sinh hoạt tôn giáo đa dạng, sôi động và không kém phần phức tạp.

+ Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia dân tộc độc lập.

- Các tổ chức tôn giáo thế giới đã giúp cho việc tăng cường trao đổi thông tin, góp phần xây dựng tinh thần hợp tác hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau vì lợi ích của các giáo hội và đất nước; góp phần đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch với Việt Nam; góp phần đào tạo chức sắc tôn giáo Việt Nam.

+ Mặt khác, các thế lực thù địch cũng lợi dụng sự mở rộng giao lưu đó để tuyên truyền, kích động đồng bào tôn giáo trong và ngoài nước chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

Một là, giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa.

Hai là, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan.

Ba là, quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

Bốn là, phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

- Trong xã hội, sinh hoạt tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn:

+ Mâu thuẫn đối kháng với lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp bóc lột và thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động, đó là mặt chính trị của tôn giáo.

+ Mâu thuẫn không đối kháng giữa người có tín ngưỡng khác nhau hoặc giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, đó là mặt tư tưởng của tôn giáo.

- Cho nên, một mặt phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động của các thế lực lợi dụng tôn giáo.

d/ Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

- Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

+ Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều người tin theo các tôn giáo. Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo với số tín đồ lên tới gần 20 triệu.

+ Các giáo hội đều tăng cường hoạt động mở rộng ảnh hưởng, thu hút tín đồ; tăng cường quan hệ với các tổ chức tôn giáo thế giới. Các cơ sở tôn giáo được tu bổ, xây dựng mới khang trang đẹp đẽ; các lễ hội tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều nơi.

+ Tuy nhiên, tình hình tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Vẫn còn có chức sắc, tín đồ mang tư tưởng chống đối, cực đoan, quá khích, gây tổn hại đến lợi ích dân tộc; vẫn còn các hoạt động tôn giáo xen lẫn với mê tín dị đoan, còn các hiện tượng tà giáo hoạt động làm mất trật tự an toàn xã hội.

+ Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với cái gọi là “tự do tôn giáo” để chia rẽ tôn giáo, dân tộc; tài trợ, xúi giục các phần tử xấu trong các tôn giáo truyền đạo trái phép, lôi kéo các tôn giáo vào những hoạt động trái pháp luật, gây mất ổn định chính trị.

- Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

Đảng ta khẳng định: tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tôn giáo có những giá trị văn hóa, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc.

Công tác tôn giáo vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng.

Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam**

a. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

- Chống phá cách mạng Việt Nam là âm mưu không bao giờ thay đổi của các thế lực thù địch. Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc đang đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình” chống Việt Nam với phương châm chống phá về chính trị, tư tưởng làm hàng đầu, kinh tế là mũi nhọn, ngoại giao làm hậu thuẫn, tôn giáo, dân tộc làm ngòi nổ, kết hợp với bạo loạn lật đổ, uy hiếp, răn đe, gây sức ép về quân sự.

- Chúng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm các mục tiêu cụ thể sau:

+ Trực tiếp phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ dân tộc đa số với dân tộc thiểu số và giữa các dân tộc thiểu số với nhau, chia rẽ đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, hòng làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

+ Kích động các dân tộc thiểu số, tín đồ, chức sắc các tôn giáo chống lại chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; đối lập các dân tộc, các tôn giáo với sự lãnh đạo của Đảng nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; vô hiệu hóa sự quản lý của Nhà nước đối với các lĩnh vực đời sống xã hội, gây mất ổn định chính trị – xã hội, nhất là vùng dân tộc, tôn giáo. Coi tôn giáo là lực lượng đối trọng với Đảng, Nhà nước ta, nên chúng thường xuyên hậu thuẫn, hỗ trợ về vật chất, tinh thần để

các phần tử chống đối trong các dân tộc, tôn giáo, chống đối Đảng, Nhà nước, chuyển hóa chế độ chính trị ở Việt Nam.

+ Chúng tạo dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc thiểu số, các tôn giáo như Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Hội thánh Tin lành Đê Ga, Nhà nước Đê Ga độc lập, Mặt trận giải phóng Khome Crôm, Mặt trận Chăm-pa để tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam.

b/ Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch

Chúng thường sử dụng chiêu bài “nhân quyền”, “dân chủ”, “tự do”; những vấn đề lịch sử để lại; những đặc điểm văn hóa, tâm lý của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo; những thiếu sót trong thực hiện chính sách kinh tế – xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để chống phá cách mạng Việt Nam.

- Thủ đoạn đó được biểu hiện cụ thể ở các dạng sau:

Một là, chúng tìm mọi cách xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, mà trực tiếp là quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta.

Hai là, chúng lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, li khai; kích động, chia rẽ quan hệ lương – giáo và giữa các tôn giáo hòng làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, chúng tập trung phá hoại các cơ sở kinh tế xã hội; mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc, tôn giáo chống đối chính quyền, vượt biên trái phép, gây mất ổn định chính trị – xã hội, bạo loạn, tạo các điểm nóng để vu khống Việt Nam đàn áp các dân tộc, các tôn giáo vi phạm dân chủ, nhân quyền để cô lập, làm suy yếu cách mạng Việt Nam.

Bốn là, chúng tìm mọi cách để xây dựng, nuôi dưỡng các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài; tập hợp, tài trợ, chỉ đạo lực lượng phản động trong các dân tộc, các tôn giáo ở trong nước hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam như: truyền đạo trái phép để “tôn giáo hóa” các vùng dân tộc thiểu số. Điển hình là các vụ bạo loạn ở Tây Nguyên năm 2001, 2004, việc truyền đạo Tin lành trái phép vào các vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc, Tây Nguyên.

c/ Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch (5 giải pháp)

Một là: ra sức tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; về âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch cho toàn dân.

Hai là: tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững ổn định chính trị – xã hội.

Ba là: chăm lo đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo.

Bốn là: phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; của những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo tham gia vào phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

Năm là: chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; kịp thời giải quyết tốt các điểm nóng. Cần thường xuyên vạch trần bộ mặt phản động của kẻ thù để nhân dân nhận rõ

và không bị lừa bịp. Đồng thời, vận động, bảo vệ đồng bào các dân tộc, tôn giáo để đồng bào tự vạch mặt bọn xấu.

### **KẾT LUẬN**

Qua nghiên cứu chuyên đề này các anh, chị cần rút ra cho mình:

Thứ nhất: nắm vững những kiến thức chung, cơ bản nhất về dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay?

Thứ hai: nắm chắc thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam.

Thứ ba: nắm chắc các giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam của Đảng và Nhà nước ta?

### **CÂU HỎI**

1. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc?
2. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo?
3. Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch?
4. Những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt nam của các thế lực thù địch?

## **BÀI 3: PHÒNG CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Hiện nay, môi trường đang là vấn đề nóng được cả thế giới quan tâm bởi những ảnh hưởng vô cùng to lớn của nó đối với đời sống, sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người. Tuy nhiên tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra ngày càng trầm trọng, chưa bao giờ lượng chất thải, rác thải lại nhiều như hiện nay, đặc biệt là ở các vùng nông thôn. Đây cũng chính là điều kiện thuận lợi để ruồi, muỗi, các ký sinh trùng gây bệnh phát sinh, phát tán vào không khí, thấm sâu vào nguồn nước ngầm. Ngoài ra, tình trạng sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp như phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật cũng ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống của chúng ta hiện tại cũng như lâu dài gây nên nhiều căn bệnh nguy hiểm cho con người như: Các khối u, dị tật bẩm sinh, ung thư, sảy thai và rất nhiều các dịch bệnh khác.

Phạm vi bài giảng giới thiệu một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn của việc phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ đó xác định rõ trách nhiệm của sinh viên trong việc góp phần phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã định hướng về thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

## **I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

# **KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

## **1. Khái niệm, vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường**

### **a) Khái niệm:**

- Bảo vệ môi trường: Là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

Đây là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Pháp luật về bảo vệ môi trường: Là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

Vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường:

- Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường.

Môi trường vừa là điều kiện sống, vừa là đối tượng tác động hàng ngày của con người. Sự tác động đó làm thay đổi rất nhiều hiện trạng của môi trường theo chiều hướng làm suy thoái môi trường, chính vì lý do đó mà con người cần phải có ý thức trách nhiệm trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường có tính định hướng. Pháp luật với tư cách là công cụ điều tiết các hành vi của các thành viên trong xã hội có tác dụng rất to lớn trong việc định hướng quá trình khai thác và sử dụng môi trường. Các chế định hay điều luật cụ thể quy định những quy tắc xử sự buộc mỗi cá nhân, tổ chức phải tuân theo những quy định đó.

- Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường.

- Pháp luật quy định các chế tài hình sự, kinh tế, hành chính, dân sự buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

- Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường.

- Giải quyết các tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường.

### **b) Quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

Pháp luật về tổ chức, quản lý các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Hiến pháp (1980, 1992, 2013) quy định về công tác bảo vệ môi trường.

- Luật, Pháp lệnh quy định về bảo vệ môi trường.

- Nghị định, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp về công tác bảo vệ môi trường.

Pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Xử lý hình sự.
- Xử lý vi phạm hành chính.
- Xử lý trách nhiệm dân sự trong bảo vệ môi trường.

## **2. Khái niệm, dấu hiệu của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

### **a. Khái niệm**

Dưới góc tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được tiếp cận bao gồm cả tội phạm về môi trường và vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. Theo đó:

- Tội phạm về môi trường: Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các thành phần của môi trường làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự.

- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.

### **b. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường**

Dấu hiệu pháp lý của tội phạm về môi trường

Tội phạm về môi trường được quy định tại Chương 19 - Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) bao gồm 12 tội danh được quy định từ Điều 235 đến điều 246. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm về môi trường được thể hiện dưới 4 yếu tố cấu thành tội phạm sau đây:

- Khách thể của tội phạm

Khách thể của các tội phạm về môi trường là sự xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường, xâm phạm vào sự trong sạch, tính tự nhiên của môi trường thiên nhiên vượt quá mức giới hạn cho phép, xâm phạm vào sự ổn định của môi trường sống gây ảnh hưởng hoặc làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của con người và các loài sinh vật.

Đối tượng tác động của các tội phạm về môi trường chủ yếu là các thành phần môi trường như đất, nước, không khí, hệ sinh thái, đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, các loài động vật, thực vật sống trong môi trường tự nhiên. Ngoài ra trong một số tội danh, đối tượng tác động của tội phạm về môi trường còn trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản như Điều 237, Điều 238 BLHS hiện hành.

- Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của các tội phạm về môi trường được thể hiện bởi những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Hầu hết các tội phạm về môi trường có cấu thành tội phạm (CTTP) vật chất.

Mặt khách quan của tội phạm về môi trường được thể hiện dưới các nhóm hành vi cụ thể sau:

+ Nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường (quy định tại các điều 235, 236, 237, 239 - Bộ luật hình sự hiện hành): đây là các hành vi chôn, lấp, đổ, thải, xả thải trái pháp luật các chất thải ra môi trường (đất, nước, không khí...); cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật về chất thải nguy hại; vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam.

+ Nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên, môi trường (quy định tại các điều 238, 242, 243, 244, 245, 246 - Bộ luật hình sự hiện hành), bao gồm các hành vi:

+ Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238), bao gồm các hành vi: Xây nhà, công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai; Làm hư hỏng công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; Khoan, đào thăm dò, khảo sát, khai thác đất, đá, cát sỏi, khoáng sản, nước dưới đất trái phép; Sử dụng chất nổ, gây nổ, gây cháy trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, trừ trường hợp có giấy phép hoặc trường hợp khẩn cấp do luật định; Vận hành hồ chứa nước không đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành công trình phân lũ, làm chậm lũ không đúng với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền.

\* Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242), bao gồm các hành vi:

Sử dụng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác, dòng điện hoặc các phương tiện, ngư cụ khác bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản.

Dùng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác, để khai thác thủy sản là hành vi dùng các loại bom, mìn, thủ pháo, bộc phá, lựu đạn, thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột, các chất hoá học vô cơ và hữu cơ để đánh bắt các loại thủy sản dưới nước như: dùng mìn ném xuống biển làm cho cá chết, dùng thuốc trừ sâu đổ xuống sông làm cho cá chết; Dùng dòng điện để khai thác thủy sản dùng dòng điện chạy qua nước để thủy sản bị điện giật chết như: dùng bình ắc quy cho dòng điện chạy qua nước làm cho cá bị điện giật chết; câu móc điện và cho dòng điện chạy qua nước để cá hoặc các loài thủy sản bị điện giật chết; Khi dùng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác hoặc dùng điện để đánh bắt thủy sản thường làm cho thủy sản chết hàng loạt không phân biệt loài nào, lớn hay bé, có thể có loài nặng hàng chục ki-lô-gam, có loài chỉ nhỏ như con tép không chỉ hủy diệt nguồn thủy sản mà còn hủy hoại cả môi trường thủy sản; Dùng các phương tiện, ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản tuy không gây ra sự hủy diệt như dùng chất độc, chất nổ nhưng cũng gây tác hại lớn đối với nguồn lợi thủy sản như: Nhà nước quy định chỉ được dùng lưới có mắt lưới 20cmx20cm để đánh bắt cá ngoài khơi nhưng ngư dân đã dùng lưới vét (loại lưới có mắt nhỏ) để đánh bắt cả loài thủy sản nhỏ bé.

Khai thác thủy sản tại khu vực bị cấm, trong mùa sinh sản của một số loài hoặc vào thời gian khác mà pháp luật cấm. (Để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Nhà nước quy định một số khu vực cấm khai thác, cấm khai thác trong mùa sinh sản của một loài thủy sản hoặc cấm khai thác vào những thời gian nhất định. Nếu đã có lệnh cấm và biết đã bị cấm mà vẫn khai

thác là vi phạm); Khai thác các loài thủy sản quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ (Cùng với các động vật quý hiếm bị cấm săn bắt, Nhà nước cũng quy định một số loài thủy sản không được khai thác vì đó là các loài thủy sản quý hiếm nằm trong danh mục cấm. Các loài thủy sản quý hiếm bị cấm khai thác do Chính phủ quy định ban hành kèm theo danh mục; nếu thủy sản mà ngư dân đánh bắt được ngoài biển là loài hiếm chưa thấy bao giờ nhưng Chính phủ chưa quy định đó là loài thủy sản quý hiếm bị cấm khai thác thì cũng không vi phạm);

Phá hoại nơi cư ngụ của các loài thủy sản quý hiếm được bảo vệ theo quy định của Chính phủ. (Bảo vệ nơi cư ngụ của các loài thủy sản quý hiếm cũng chính là bảo đảm cho loài thủy sản quý hiếm có điều kiện tồn tại và phát triển, phá hoại nơi cư ngụ của các loài thủy sản này cũng chính là hành vi huỷ hoại nguồn thủy sản); Vi phạm các quy định khác về bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Vi phạm các quy định khác về bảo vệ nguồn lợi thủy sản là ngoài hành vi sử dụng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác, dòng điện hoặc các phương tiện, ngư cụ khác bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm huỷ hoại nguồn lợi thủy sản; khai thác thủy sản tại khu vực bị cấm, trong mùa sinh sản của một số loài hoặc vào thời gian khác mà pháp luật cấm; khai thác các loài thủy sản quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ và phá hoại nơi cư ngụ của các loài thủy sản quý hiếm được bảo vệ theo quy định của Chính phủ, thì bất cứ hành vi nào khác mà huỷ hoại nguồn lợi thủy sản đều bị coi là hành vi phạm tội này).

\* Tội hủy hoại rừng (Điều 243), bao gồm các hành vi: Đốt rừng là dùng lửa hoặc các hoá chất phát lửa làm cho rừng bị cháy, có thể cháy toàn bộ hoặc chỉ cháy một phần; Hành vi đốt rừng làm rẫy của đồng bào ở vùng cao nếu được chính quyền cho phép thì không coi là huỷ hoại rừng. Tuy nhiên, việc đốt rừng làm rẫy cho đến nay hầu như không được phép; Phá rừng là chặt phá cây trong rừng hoặc khai thác tài nguyên của rừng không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép như: khai thác gỗ, khai thác các lâm sản trái phép.v.v...; Hành vi khác hủy hoại rừng là ngoài hai hành vi đốt rừng và phá rừng trái phép thì bất cứ hành vi nào làm cho rừng bị tàn phá đều là hủy hoại rừng như: dùng hoá chất độc phun hoặc rải xuống đất làm cho cây rừng bị chết khô, thả gia súc vào rừng mới trồng để gia súc phá hoại cây rừng v.v.

\* Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244): Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc một số hành vi sau đây:

Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Săn bắt động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm là dùng các loại vũ khí hoặc phương tiện khác để bắt sống hoặc có thể bắn chết.

Giết là làm cho động vật nguy cấp, quý, hiếm hoang dã quý hiếm chết sau khi đã bắt được.

Nuôi, nhốt là việc đưa (mang) động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống đem đi giam cầm, nhốt giữ hoặc chăm nuôi mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc cho phép nuôi, nhốt.

Vận chuyển động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi dịch chuyển động vật hoang dã quý hiếm từ này sang nơi khác bằng bất cứ phương tiện gì, không bao gồm hành vi buôn bán; nếu người buôn bán động vật hoang dã quý hiếm đồng thời vận chuyển động vật đó thì chỉ coi là buôn bán.



Buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là mua để bán động vật hoang dã quý hiếm nhằm thu lợi nhuận. Nếu săn bắt được động vật hoang dã quý hiếm rồi bán lại cho người khác thì không coi là buôn bán.

Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này;

Tàng trữ là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 0,05 kilôgam đến dưới 01 kilôgam;

Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể động vật lớp khác

Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm c khoản này;

Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm

Nhóm các hành vi làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm

Quy định tại các điều 240, 241- Bộ luật hình sự hiện hành. Bao gồm các hành vi cụ thể như làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người là hành vi đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người; đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người hoặc có hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người. (Dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người là những bệnh có khả năng lây lan nhanh chóng từ người này sang người khác tại cộng đồng dân cư và được thể hiện qua các triệu chứng như gây chết người nhanh chóng hoặc chết người hàng loạt hoặc những căn bệnh có khả năng gây tổn hại nặng cho sức khỏe người bị nhiễm bệnh hay khó chữa trị như các bệnh dịch, cúm, lao, bệnh lở mồm long móng, dịch tai xanh,...); Làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật là hành vi đưa vào hoặc mang ra khỏi khu vực hạn chế lưu thông động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh; đưa vào hoặc cho phép đưa vào Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật thuộc đối tượng kiểm dịch mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch; hoặc có hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.

- Chủ thể của tội phạm

Về cá nhân, đa số các tội phạm về môi trường được thực hiện bởi chủ thể là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo qui định của Bộ luật hình sự.

Bên cạnh đó cũng có tội phạm được thực hiện bởi chủ thể đặc biệt là người có chức vụ quyền hạn.

Về pháp nhân thương mại phải đảm bảo các quy định: được thành lập hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự, luật khác có liên quan; có cơ cấu tổ chức theo quy định của bộ luật dân sự; có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập; có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Bộ luật Hình sự.

- Mặt chủ quan của tội phạm

Các tội phạm về môi trường được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý. Hầu hết tội phạm về môi trường thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lỗi cố ý. Có nghĩa là chủ thể thực hiện tội phạm nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và sẽ gây ra hậu quả nhất định cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện hành vi. Động cơ, mục đích phạm tội đa dạng, nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của các tội phạm về môi trường.

Dấu hiệu của vi phạm hành chính về môi trường

- Về chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Bao gồm các cá nhân hoặc tổ chức có đủ điều kiện về chủ thể.

Đối với cá nhân, người vi phạm phải có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật.

Đối với tổ chức vi phạm phải có tư cách pháp nhân, nghĩa là các tổ chức này được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản độc lập đó, đồng thời được nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

- Về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

+ Hành vi vi phạm các quy định về cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường;

+ Hành vi gây ô nhiễm môi trường; Hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải;

+ Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học;

+ Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;

+ Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;

+ Hành vi vi phạm về đa dạng sinh học bao gồm: Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên;

- + Hành vi vi phạm các quy định về Bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật và bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền;
- + Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, kiểm tra, phối hợp thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính;
- + Các vi phạm quy định khác về bảo vệ môi trường.

Hình thức lỗi: Các chủ thể thực hiện hành vi vi phạm bởi lỗi cố ý hoặc vô ý. Tuy nhiên, vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường chủ yếu được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Các tổ chức, cá nhân nhận thức được hành vi của mình xâm phạm đến môi trường nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hình thức xử lý: Hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hành chính bao gồm phạt tiền, cảnh cáo, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính khác.

### **3. Nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về môi trường**

#### **a. Nguyên nhân, điều kiện khách quan**

Sự phát triển “quá nhanh” và “nóng” của kinh tế - xã hội không tính đến yếu tố bảo vệ môi trường của các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội là một trong những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm môi trường và là mảnh đất tốt để tội phạm môi trường phát triển.

- Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường.

Đất nước ta trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thu hút đầu tư với nhiều chính sách ưu đãi, nhập khẩu máy móc, phương tiện, thiết bị phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhưng công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý xuất nhập khẩu chưa chặt chẽ để các đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

Việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo điều kiện phát triển cho các ngành công nghiệp, khai thác khoáng sản, xuất nhập khẩu, sản xuất hàng hóa sẽ có điều kiện phát triển, song cũng sẽ phải đối mặt với một thách thức đó là các hành vi gây ô nhiễm, huỷ hoại môi trường, khai thác cạn kiệt tài nguyên môi trường, vi phạm các chế độ về BVMT, đặc biệt đối với các hành vi vận chuyển chất thải nguy hại, phóng xạ trái phép qua biên giới, xả thải không qua xử lý ra môi trường...với tính chất, mức độ ngày càng phức tạp và đa dạng. Các doanh nghiệp nước ngoài sẽ lợi dụng những hạn chế trong công tác quản lý môi trường, sơ hở của pháp luật, thiếu kinh nghiệm, non kém về kiến thức khoa học - kỹ thuật hoặc lợi dụng những cán bộ thoái hóa biến chất ký cấp phép các dự án mà không chú trọng các cam kết bảo vệ môi trường.

- Áp lực tăng trưởng kinh tế, các cơ quan ở địa phương mới chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế trước mắt, chưa chú trọng đúng mức đến công tác bảo vệ môi trường.

- Công tác quản lý nhà nước về môi trường còn hạn chế.

- Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu và chưa đồng bộ.

#### **b. Nguyên nhân, điều kiện chủ quan**

- Nhận thức của một số bộ phận các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chưa cao, ý thức BVMT của các cơ quan, doanh nghiệp và công dân còn kém, chưa tự giác, vấn đề bảo vệ môi trường chưa được quan tâm chú trọng đúng mức.

- Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đây là những thiếu sót thuộc về chủ quan của các ngành, các cấp trong toàn xã hội dẫn đến vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có điều kiện còn tồn tại và phát triển.

+ Trước hết đó là những tồn tại, thiếu sót của lực lượng trực tiếp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Các cơ quan chức năng có liên quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường như: Bộ Tài nguyên & Môi trường, Hải quan, Kiểm lâm, quản lý thị trường, Thanh tra của ngành y tế, xây dựng,.. còn chưa làm hết chức năng của mình trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, còn cho đó là nhiệm vụ của cơ quan Công an, chưa phát huy hết trách nhiệm của mình trong phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong phòng, chống tội phạm về môi trường còn chưa tốt, chưa xây dựng được cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, việc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chưa đồng bộ, chưa thường xuyên.

c. Nguyên nhân thuộc về phía đối tượng vi phạm

Vi phạm pháp luật về môi trường nói chung phần lớn đều có động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, đặc biệt là đối tượng phạm tội về môi trường. Hầu hết các tội phạm cụ thể trong lĩnh vực môi trường đều có động cơ, mục đích vụ lợi, đều nhằm mục đích thu lợi bất chính về kinh tế. Các đối tượng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong từng lĩnh vực cụ thể nhằm mục đích làm sao để kiếm được nhiều lợi nhuận nhất và chi phí bỏ ra ít nhất như trong các lĩnh vực gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Phần lớn các đối tượng đều biết song do chi phí cho xử lý chất thải thường tốn kém nên giá thành sản phẩm sẽ cao, không cạnh tranh được trên thị trường nên các đối tượng không đầu tư, chấp nhận bị xử phạt còn rẻ hơn là đầu tư xử lý chất thải.

Ví dụ: Việc xả thải của Nhà máy Phomosha ra biển làm cá chết hàng loạt.

Ý thức coi thường pháp luật, sống thiếu kỷ cương không tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực xã hội cùng với việc ý thức sai lệch về cách thỏa mãn nhu cầu cá nhân là yếu tố chủ quan dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng. Do đó, việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho mọi người về công tác bảo vệ môi trường, về ý thức tuân thủ pháp luật cũng như những chuẩn mực của cuộc sống sẽ góp phần quan trọng vào phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay.

### **III. NHẬN THỨC VỀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **A. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

##### **1. Khái niệm**

Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường: Là hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp, phương tiện nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; khi vi

phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra thì hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả tác hại, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

## 2. Đặc điểm

- Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất đa dạng. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hành được quy định trong các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tiến hành các hoạt động phòng ngừa cũng như điều tra, xử lý phù hợp.

- Biện pháp tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ, có sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp phòng ngừa (phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn) với các biện pháp điều tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (cả tội phạm và vi phạm hành chính).

- Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng các công cụ phương tiện nghiệp vụ và ứng dụng tiến bộ của khoa học công nghệ.

- Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể tham gia trên cơ sở chức năng, quyền hạn được phân công.

## **B. NỘI DUNG, BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### 1. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

- Nắm tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nghiên cứu làm rõ những vấn đề có tính quy luật trong hoạt động vi phạm pháp luật của các đối tượng.

Trong phạm vi nhiệm vụ, các cơ quan chuyên môn cần nắm vững:

- + Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra trong từng thời gian (từng quý, năm) trên từng địa bàn cụ thể gắn với lĩnh vực công tác chuyên môn;

- + Các loại vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra phổ biến (tội phạm ha vi phạm hành chính; các hành vi vi phạm cụ thể về gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại tài nguyên, môi trường, làm lây lan dịch bệnh...);

- + Lĩnh vực xảy ra nhiều là những lĩnh vực nào;

- + Đối tượng gây ra các vụ vi phạm thuộc loại người nào trong xã hội quốc tịch, dân tộc (nhân thân của đối tượng); các pháp nhân thương mại nào là chủ yếu (công ty cổ phần, công ty TNHH, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có đăng ký pháp nhân...)

- + Phương thức, thủ đoạn hoạt động; Hậu quả, tác hại gây ra cho xã hội và cho nhân dân...

- Xác định và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Tiến hành nghiên cứu tìm ra những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay và nguyên nhân, điều kiện của từng loại vi phạm cụ thể, từng vụ việc vi phạm cụ thể. Xác định rõ các nguyên nhân và điều kiện thuộc ngành nào, lĩnh vực nào cụ thể. Trên cơ sở đó, cần kiến nghị với các ngành, các cấp và trực tiếp tiến hành bịt kín những sơ hở thiếu sót, những hiện tượng tiêu cực làm phát sinh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các kế hoạch, biện pháp, các giải pháp chủ động hạn chế các nguyên nhân, khắc phục các điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nội dung này đòi hỏi các cơ quan, tổ chức phải xây dựng các phương án, các kế hoạch cụ thể, những giải pháp để phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong đó phải xác định rõ những công việc phải làm trước mắt, những việc phải làm lâu dài, các lực lượng tham gia hỗ trợ, các biện pháp cụ thể sẽ sử dụng.

- Tổ chức lực lượng tiến hành các hoạt động khắc phục các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm về môi trường, từng bước kiềm chế, đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đây là nội dung cụ thể đòi hỏi các lực lượng, cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện các phương án, kế hoạch đã đề ra. Huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, các đoàn thể, các tổ chức quần chúng tham gia vào cuộc đấu tranh. Trong đó lực lượng Công an là lực lượng chủ công, nòng cốt, xung kích sử dụng đồng bộ các biện pháp bao gồm các biện pháp chung của toàn xã hội và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn của mình để đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực xã hội là nguyên nhân nảy sinh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở từng lĩnh vực, trên từng địa bàn nhằm hạn chế sự gia tăng tội phạm về môi trường, tiến tới loại trừ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ra khỏi đời sống xã hội trong tương lai.

- Tiến hành các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Khi tội phạm về môi trường xảy ra, căn cứ vào tính chất mức độ, mức độ của hành vi phạm tội mà các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án...) sẽ tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Đối với các vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường tùy theo cơ quan chuyên môn nào phát hiện (Công an, Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường, Hải Quan, Kiểm lâm...) sẽ tiến hành xử lý hành chính theo thẩm quyền.

## 2. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

### a) Các biện pháp phòng, chống chung:

- Biện pháp tổ chức - hành chính: Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, các chủ thể tham gia bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực các cơ quan nhà nước, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong bảo vệ môi trường; thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường...;

- Biện pháp kinh tế: Biện pháp này chủ yếu dùng các lợi ích vật chất để kích thích chủ thể thực hiện những hoạt động có lợi cho môi trường, bảo vệ môi trường và ngược lại xử lý, hạn chế lợi ích kinh tế của chủ thể vi phạm;

- Biện pháp khoa học - công nghệ: Là ứng dụng các biện pháp khoa học công nghệ vào giải quyết những vấn đề môi trường;

- Biện pháp tuyên truyền, giáo dục: là giáo dục, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường;

- Biện pháp pháp luật là biện pháp xây dựng các quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến việc bảo vệ môi trường.

b) Các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cụ thể:

- Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan, ban ngành có liên quan trong đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tham mưu là một chức năng quan trọng của các cơ quan, tổ chức khi tham gia các hoạt động nói chung. Trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các lực lượng có liên quan tới hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mà các cơ quan, tổ chức sẽ có các hoạt động tham mưu cụ thể khác nhau, nội dung, phương pháp khác nhau. Nhìn chung, hoạt động tham mưu của các chủ thể bao gồm:

+ Tham mưu về nội dung của công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như trong việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội, phát triển bền vững gắn với công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo cho sự trong lành của môi trường sống, an sinh xã hội. Thể hiện ở các phương diện như: tham mưu cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản pháp luật về môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường. Trong đó, tập trung nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, đoàn thể và của công dân trong công tác bảo vệ môi trường; những khuyến cáo cần thực hiện trong đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tham mưu cho các cơ quan chức năng có liên quan về phương pháp, cách thức tổ chức các hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, theo chức năng nhiệm vụ của ngành đó như: cách thức tổ chức các hoạt động phòng ngừa, phương pháp huy động lực lượng, phương tiện tham gia vào công tác phòng chống, các hình thức phát động quần chúng tham gia vào phòng, chống... gắn với việc thực hiện các phong trào, công tác chuyên môn của các cơ quan ban ngành đó.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành các hoạt động tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Đây là một hoạt động mang tính xã hội và mang tính chiến lược cơ bản, lâu dài có ý nghĩa quan trọng trong biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Chỉ khi nào quần chúng trong xã hội tự giác tham gia vào các hoạt động phòng, chống cụ thể thì khi đó hiệu quả của công tác phòng ngừa cũng như điều tra khám phá tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường mới được nâng cao, đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu đề ra. Để thực hiện tốt nội dung nêu trên các lực lượng có liên quan làm tốt những nội dung cụ thể sau:

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Trên cơ sở đó đề xuất quần chúng nhân dân tự giác tham gia vào phòng ngừa và đấu tranh.

+ Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân thấy được hậu quả trước mắt cũng như lâu dài do các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên gây ra cho xã hội và cho nhân dân, những ảnh hưởng nặng nề cho đời sống xã hội hiện tại và tương lai. Trên cơ sở đó để quần chúng nhân dân không có các hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tuyên truyền cho mọi người trong xã hội thấy được phương thức thủ đoạn hoạt động của tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, để quần chúng nhân dân cảnh

giác không bị lôi kéo vào các hoạt động phạm tội; chủ động phát hiện và báo cho cơ quan chức năng (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm lâm, Hải quan,...) biết các hành vi vi phạm, đối tượng nghi vấn có liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường, có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

+ Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nắm được những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và phòng, chống tội phạm về môi trường.

Về hình thức tuyên truyền, lực lượng Cảnh sát môi trường có thể trực tiếp tiến hành các hoạt động tuyên truyền thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề hoặc qua các hội nghị. Hình thức về chuyên đề bảo vệ môi trường có thể phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, các loại báo viết, ... hoặc thông qua nhà trường để có các nội dung tuyên truyền phù hợp; có sự phối hợp với các cơ quan văn hóa trong kẻ vẽ pano, áp phích. Hoặc tiến hành sân khấu hóa các nội dung cần tuyên truyền. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về môi trường cho các thành viên trong xã hội. Tùy theo từng đối tượng cụ thể mà có các nội dung tuyên truyền, hình thức tuyên truyền cho phù hợp.

- Phối hợp với các lực lượng, các ngành có liên quan để vận động quần chúng tham gia tích cực vào hoạt động phòng, chống tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường và bảo vệ môi trường.

Tội phạm và vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đều là các hiện tượng tiêu cực xã hội, có nguyên nhân phát sinh bởi các nhân tố tiêu cực ngay trong xã hội. Vì vậy, để đấu tranh loại trừ hiện tượng tiêu cực xã hội này cần phải huy động được đông đảo lực lượng của toàn xã hội tham gia. Muốn vậy, các cơ quan chuyên môn cần làm tốt công tác vận động quần chúng, tổ chức cho quần chúng tham gia một cách tự giác vào các tổ chức phù hợp để đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội về bảo vệ môi trường môi trường nhằm bảo vệ môi trường.

Nội dung tổ chức vận động quần chúng tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường bao gồm:

+ Tổ chức cho quần chúng tham gia vào các tổ chức xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi người, mỗi vùng để thông qua đó vận động quần chúng tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường, có các hành vi xâm hại đến môi trường.

+ Vận động quần chúng tham gia phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội về bảo vệ môi trường cho cơ quan công an và các cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn chặn, xử lý.

Vận động quần chúng tham gia vào việc quản lý, giám sát, giáo dục các đối tượng có điều kiện, khả năng, có biểu hiện nghi vấn phạm tội về môi trường, tác động để các đối tượng từ bỏ ý định phạm tội về môi trường trở thành người có ích cho xã hội.

Vận động, tổ chức cho quần chúng tham gia trực tiếp vào công tác đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và phạm tội về môi trường phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi người như: Tham gia vào công tác kiểm điểm, giáo dục đối tượng, ngăn chặn hành vi phạm tội về môi trường.

Về hình thức tổ chức vận động quần chúng:

Phối hợp với các lực lượng có liên quan vận động quần chúng tham gia vào các hoạt động phòng ngừa tội phạm môi trường ở tại địa bàn cơ sở, nơi cư trú, cam kết thi đua giữ



gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, cam kết không vi phạm pháp luật về môi trường. Sử dụng những người có uy tín trong dòng họ, thôn xóm, khu phố, già làng, trưởng bản... để vận động quần chúng nhân dân ở địa bàn cơ sở tham gia vào công tác bảo vệ môi trường và đấu tranh chống các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật về môi trường.

Tổ chức cho quần chúng tham gia vào các tổ chức xã hội phù hợp như: Tổ dân phố, các câu lạc bộ, các tổ chức của các học sinh trong các nhà trường để thực hiện các hoạt động: xây dựng khu phố văn minh, đường phố, thôn xóm xanh, sạch, đẹp... góp phần bảo vệ môi trường.

Sử dụng những người có uy tín để cảm hóa, giáo dục các đối tượng trong diện quản lý, tổ chức cho quần chúng tham gia kiểm điểm, giáo dục các đối tượng vi phạm; tổ chức tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng phạm tội, vi phạm pháp luật về môi trường đi cơ sở giáo dục, trại cải tạo trở về địa phương.

Phối hợp với lực lượng có liên quan xây dựng lực lượng nòng cốt ở cơ sở (thôn xóm, khối phố, bản làng) để thực hiện nhiệm vụ xung kích trong bảo vệ môi trường ở địa bàn cơ sở, giáo dục đối tượng thuộc diện giáo dục ở cơ sở, vận động đối tượng phạm tội về môi trường ra đầu thú, ngăn chặn các hành vi xâm hại trực tiếp đến môi trường.

Việc tổ chức vận động quần chúng tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, bảo vệ môi trường phải được tiến hành một cách thường xuyên, phải được lồng ghép vào việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đặc biệt là phải gắn giữa phát triển bền vững với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó phải căn cứ vào từng đối tượng cụ thể để có các hình thức tổ chức vận động cụ thể phù hợp với điều kiện cụ thể của quần chúng, có như vậy mới phát huy được hiệu quả công tác vận động quần chúng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

- Sử dụng các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn để phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Các cơ quan chuyên môn như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm Lâm, Hải Quan, Quản lý Thị trường... trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để tiến các hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường một cách hiệu quả.

### **C. CHỦ THỂ VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP TRONG PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

#### **1. Chủ thể tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Đảng lãnh đạo Nhà nước, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân tham gia vào phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua việc hoạch định các chủ trương, chính sách, ban hành các văn bản hướng dẫn, nghị quyết, chỉ thị.

- Đảng lãnh đạo trực tiếp, nhiều mặt đối với các cơ quan trực tiếp phòng, chống tội phạm về môi trường như Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân...; Kiểm tra, giám sát, kịp thời uốn nắn nhằm khắc phục những sai sót, tồn tại, bất cập của công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp: Là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và từng địa phương. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ban hành và hoàn thiện hệ

thống pháp luật, ban hành các Pháp lệnh, Nghị quyết về công tác bảo vệ môi trường trong đó có công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp: Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thống nhất quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, ban hành các Nghị định, Nghị quyết, Quyết định... về công tác bảo vệ môi trường. Trực tiếp tiến hành:

- + Chỉ đạo và phân công, phân cấp cụ thể cho các Bộ, Ngành, các cơ quan đoàn thể xã hội trong phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật về BVMT;

- + Đề ra các chế độ, chính sách, cung cấp kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tổ chức tiến hành hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- + Sử dụng các cơ quan chuyên trách trực thuộc phạm vi quản lý tiến hành các hoạt động phòng, chống tội phạm về môi trường (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án...);

- + Chỉ đạo tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường của các cơ quan do mình quản lý, kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cả về tổ chức và các văn bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm;

- + Có chính sách, biện pháp nhằm động viên, huy động sức mạnh toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường...

- Nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và môi trường: Bộ Tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, ban hành hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia làm tiêu chuẩn đánh giá, xác định môi trường phục vụ công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, trình Chính phủ quyết định chính sách, chiến lược, kế hoạch quốc gia về bảo vệ môi trường; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhiệm vụ của Bộ Xây dựng: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động xây dựng cơ bản, xử lý chất thải rắn trong phạm vi trách nhiệm quản lý.

- Nhiệm vụ của Bộ Y tế: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, ban hành quy chế quản lý chất thải y tế; công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế.

- Nhiệm vụ của Bộ Thông tin truyền thông: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Bộ phối hợp với các ngành liên quan thống nhất nội dung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống tội phạm và VPPL khác về bảo vệ môi trường nói riêng và công tác bảo vệ môi trường nói chung.

- Bộ Tư pháp: Bộ Tư pháp nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về BVMT trong lĩnh vực y tế, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, vững chắc phục vụ công tác phòng ngừa VPPL môi trường.

- Bộ Tài chính: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn Tổng cục Hải Quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam có biểu hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân: Các tổ chức xã hội gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên như Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Phụ nữ, ... là cơ sở chính trị vững chắc của Nhà nước có vị trí quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường nói chung, trong phòng, chống tội phạm và VPPL khác về môi trường nói riêng. Những tổ chức này phối hợp, hỗ trợ cho chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên trách soạn thảo, tham gia xây dựng kế hoạch phòng, chống tội phạm và VPPL khác về môi trường; trực tiếp tham gia thực hiện công tác phòng ngừa và tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, VPPL khác về môi trường.

- Trách nhiệm hộ gia đình và công dân: thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân đã được Hiến pháp, pháp luật quy định về công tác bảo vệ môi trường; chủ động phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tham gia cảm hoá giáo dục người phạm tội, giáo dục các thành viên trong gia đình mình có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường...; tích cực hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan Nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật trong phát hiện, điều tra, xử lý các tội phạm về môi trường cũng như các hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường...

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Công an, Viện kiểm sát, Toà án...): cần chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm về môi trường, tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời để phòng ngừa tội phạm, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể là:

+ Nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình trạng tội phạm và VPPL khác về môi trường; xác định nguyên nhân, điều kiện của nó, từ đó tham mưu, đề xuất, kiến nghị trong việc hoạch định các chính sách, áp dụng các biện pháp hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có hiệu quả;

+ Sử dụng các biện pháp theo luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng cụ thể để trực tiếp tiến hành phòng, chống tội phạm về môi trường;

+ Làm lực lượng nòng cốt, xung kích trong việc phối hợp, hướng dẫn các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong quá trình phòng, chống tội phạm về môi trường;

Theo quy định thì Bộ Công an có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các VPPL khác về BVMT; phối hợp xây dựng các văn bản pháp luật về phòng ngừa tội phạm và BVMT; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác BVMT trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.

Trong các cơ quan bảo vệ pháp luật thì lực lượng CAND là lực lượng chính, tham gia trực tiếp, toàn diện vào phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Là lực lượng nòng cốt, xung kích trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân trong quá trình truy tố, xét xử phát hiện ra nguyên nhân điều kiện của tội phạm về môi trường, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục; phối hợp với lực lượng Công an trong điều tra, truy tố, xét xử, giáo dục, cảm hoá người phạm tội về môi trường.

## 2. Quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, các chủ thể tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thường phối hợp trên các nội dung cơ bản sau:

- Tham mưu, đề xuất trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản pháp luật, các nội quy, quy định, thiết chế về bảo vệ môi trường cũng như phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn, từng thời kỳ;
- Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện các chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Tổ chức và phối hợp tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tiến hành vận động quần chúng tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Phối hợp trong công tác nắm tình hình, trao đổi thông tin về tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật khác về môi trường; trong kiểm tra, xác minh các thông tin; huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Phối hợp trong tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm; cảm hóa, giáo dục đối tượng phạm tội về môi trường...
- Phối hợp tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong phòng, chống tội phạm và các VPPL về môi trường;
- Phối hợp trong các hoạt động hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường có yếu tố nước ngoài, xuyên quốc gia;
- Thực hiện các yêu cầu phối hợp khác khi được phân công.

## **D. TRÁCH NHIỆM PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC NHÀ TRƯỜNG**

### 1. Trách nhiệm của nhà trường

- Tổ chức học tập, nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn như ngành Tài nguyên và Môi trường, Công an (Cảnh sát môi trường), Thông tin truyền thông,... tổ chức các buổi tuyên truyền, tọa đàm trao đổi, các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tham gia tích cực và hưởng ứng các chương trình, hành động về bảo vệ môi trường do Nhà nước, các Bộ ngành phát động;
- Xây dựng các phong trào bảo vệ môi trường như: “Vì môi trường xanh - sạch - đẹp”, “Phòng, chống rác thải nhựa” và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường trong nhà trường.
- Xây dựng đội tình nguyện vì môi trường, thành lập các câu lạc bộ vì môi trường và tiến hành thu gom, xử lý chất thải theo quy định (rác thải, nước thải...).

### 2. Trách nhiệm của sinh viên

- Nắm vững các quy định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng ý thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (nước, năng lượng...);
- Tham ra tích cực trong các phong trào về bảo vệ môi trường.
- Xây dựng văn hóa ứng xử, ý thức trách nhiệm với môi trường như sống thân thiện với môi trường xung quanh; tích cực trồng cây xanh; hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân để bảo vệ môi trường không khí; tham gia thu gom rác thải tại nơi sinh sống và học tập.

## **KẾT LUẬN**

Môi trường có vai trò đặc biệt trong việc bảo đảm, duy trì sự tồn tại và phát triển của con người. Bảo vệ môi trường là bảo vệ chính sự sống của mỗi con người chúng ta. Môi trường có xanh – sạch – đẹp thì con người mới có đủ điều kiện phát triển toàn diện. Để làm được điều đó, đòi hỏi mỗi người dân cần nâng cao ý thức trong việc tham gia bảo vệ môi trường. Có chính sách chế tài đủ mạnh để răn đe và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Bên cạnh đó cần làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền để mọi người dân nhận thức đầy đủ và tham gia có hiệu quả trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **BÀI 4: PHÒNG CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG**

Sự phát triển của nền kinh tế Quốc dân khiến nhu cầu vận tải về người, hàng hoá cũng như hệ thống kết cấu hạ tầng và phương tiện giao thông tăng rất nhanh làm cho tình trạng tai nạn giao thông cũng tăng lên nhanh chóng.

Tình hình vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT) tại nạn giao thông và ùn tắc giao thông ở Việt Nam, đặc biệt ở các đô thị lớn mặc dù đã có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn xảy ra nghiêm trọng và trở thành một vấn đề lớn của xã hội. Bảo đảm TTATGT được coi là một trong những chính sách trọng tâm, nhiệm vụ cấp thiết của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban an toàn giao thông quốc gia và chính quyền các địa phương cũng như của toàn xã hội, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp và của người dân.

Phạm vi bài giảng: Giới thiệu những nhận thức chung về Pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; nhận thức về phòng, chống vi phạm Pháp luật về bảo đảm TTATGT, trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên trong công tác bảo đảm TTATGT.

### **I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG**

#### **A. NHẬN THỨC VỀ PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG**

##### **1. Khái niệm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

Pháp luật về bảo đảm TTATGT là một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp

hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm TTATGT.

Nội hàm khái niệm thể hiện:

- Phạm vi của Luật: Luật bảo đảm TTATGT nằm trong hệ thống Pháp luật của Nhà nước CHXHCNVN.

- Quy định về chủ thể ban hành Pháp luật;
- Về đối tượng áp dụng thực thi Pháp luật...

## 2. Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm TTATGT.

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT cũng là nguyện vọng chính đáng của người dân, doanh nghiệp và của toàn xã hội.

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.

## 3. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

- + Luật giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 năm 2008

- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21/11/2014 của Quốc hội khóa XIII.

- + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17/06/2014 của Quốc hội khóa XIII.

- + Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.

- Các văn bản quy phạm Pháp luật do các cơ quan hành chính ở trung ương, địa phương, các cơ quan liên ngành, liên bộ ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

- Các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

## B. NHẬN THỨC VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

### 1. Khái niệm vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

Vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT có 2 dạng vi phạm: Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự (cấu thành các tội xâm phạm an toàn giao thông), cụ thể như sau:

- Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm TTATGT là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm TTATGT mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Ví dụ: Các lỗi vi phạm thông thường chưa gây ảnh hưởng đến tính mạng của người khác.

- Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông mà theo quy định của Bộ Luật hình sự phải bị xử lý hình sự.

Ví dụ: Các lỗi vi phạm TTATGT mà gây ra chết người...

## 2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

a) Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- Tính nguy hiểm cho xã hội.
- Tính trái pháp luật về bảo đảm TTATGT
- Tính có lỗi
- Vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hành vi bị

xử phạt hành chính.

b) Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm an toàn giao thông:

- Khách thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông
- Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông
- Chủ thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông
- Mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

3. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Quản lý nhà nước về hoạt động giao thông còn nhiều yếu kém, hạn chế.
- Sự không tương thích giữa các yếu tố cơ bản cấu thành hoạt động giao thông vận tải quốc gia.

- Tác động tiêu cực của các yếu tố thiên nhiên, môi trường đối với người tham gia giao thông.

- Các cơ quan thực thi Pháp luật về bảo đảm TTATGT có lúc, có nơi chưa thực sự trong sạch.

- Nhận thức của một bộ phận quần chúng nhân dân về Bảo đảm TTATGT còn hạn chế...

## II. NHẬN THỨC VỀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

### A. KHÁI NIỆM PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

- Phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT là hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều hình thức, biện pháp hướng đến việc triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT ra khỏi đời sống xã hội.

Thực tiễn: Sáu tháng đầu năm 2020 số người chết vì tai nạn giao thông giảm 14,91%; toàn quốc xảy ra 6.790 vụ TNGT làm chết 3.242 người; bị thương 4.939 người so với 6 tháng đầu năm 2019 giảm 1595 vụ; số người chết giảm 568 người, bị thương giảm 1.419 người; giảm 22,32%.

- Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT là hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật, tiến hành tổng hợp các biện pháp theo quy định để chủ động nắm tình hình, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT do cá nhân, tổ chức thực hiện, từ đó áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm TTATGT.

- Ban hành đề cương tuyên truyền, phổ biến Luật giao thông đường bộ và các Nghị định của Chính phủ về bảo đảm TTATGT.

## **B. CHỦ THỂ VÀ MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.
3. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.
4. Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án).
5. Các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tự quản.
6. Các cơ quan quản lý kinh tế, giao thông, văn hóa, giáo dục, dịch vụ, du lịch.
7. Các Công dân.

## **C. NỘI DUNG BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG**

1. Tham mưu, đề xuất với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.
2. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương cụ thể.
3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm TTATGT để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo đảm TTATGT cho người dân.
4. Tổ chức phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT, gắn với vận động thực hiện phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”, đảm bảo huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.
5. Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng lực lượng theo quy định của pháp luật.
6. Phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp tốt các ngành, các cấp, các lực lượng và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm TTATGT.

## **III. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TRƯỜNG, SINH VIÊN TRONG PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG**

### **A. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ TRƯỜNG.**

1. Phổ biến các kiến thức về an toàn giao thông theo qui định của pháp luật Cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông nhằm hình thành thể hệ trẻ có “văn hóa” khi tham gia giao thông, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược bảo đảm TTATGT đường bộ quốc gia.
2. Phối hợp chặt chẽ các cấp, các ngành với Ban Đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên nhắc nhở, giáo dục con em tự giác chấp hành quy tắc giao thông, đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không chở quá số người quy định; không điều khiển xe mô tô, xe gắn máy khi chưa đủ tuổi, không có giấy phép lái xe; kiên quyết xử lý kỷ luật đối



với học sinh, sinh viên điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không có giấy phép lái xe, chưa đủ tuổi.

3. Đưa nội dung giáo dục pháp luật về TTATGT là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm đối với các cơ sở giáo dục; yêu cầu người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục và bảo đảm TTATGT cho học sinh, sinh viên; gắn trách nhiệm người đứng đầu các cơ sở giáo dục để xảy ra tai nạn giao thông liên quan đến học sinh, sinh viên, xử lý trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân vi phạm; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về TTATGT, hướng dẫn kỹ năng tham gia giao thông an toàn cho học sinh, sinh viên trong nhà trường.

4. Thường xuyên cập nhật, phổ biến, tuyên truyền những qui định của Nhà nước, Chính phủ về bảo đảm TTATGT đối với các trường ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đặc biệt là Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông.

#### **B. TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN**

1. Tích cực học tập nâng cao hiểu biết về luật giao thông 2008, Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về qui định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông cũng như các qui định về bảo đảm TTATGT.

2. Chấp hành nghiêm của pháp luật về bảo đảm TTATGT khi tham gia giao thông.

3. Tích cực tham gia các cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về ATGT”, các phong trào tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong chiến dịch tình nguyện màu hè xanh ở những vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao nhận thức, ý thức tự giác về chấp hành pháp luật về TTATG.

4. Kiên quyết đấu tranh với những hành vi coi thường tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác khi tham gia giao thông.

5. Nghiêm cấm điều khiển các phương tiện như Ô tô, Mô tô, xe gắn máy....khi chưa đủ tuổi, không có bằng lái xe, chở quá số người qui định, điều khiển các phương tiện tham gia giao thông mà trong người có nồng độ cồn.

#### **KẾT LUẬN**

Trong đời sống xã hội, pháp luật giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, pháp luật là phương tiện không thể thiếu để bảo đảm cho sự tồn tại, phát triển của xã hội. Việc giáo dục ý thức trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội, hay ý thức chấp hành pháp luật là điều vô cùng quan trọng, mang tính chất sống còn đến sự tồn tại và phát triển của mỗi con người cũng như của xã hội. Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về an toàn giao thông chính là một phần của việc giáo dục ý thức trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội của mỗi người.

Việc hình thành ý thức chấp hành pháp luật nói chung và ý thức chấp hành pháp luật an toàn giao thông nói riêng đối với mỗi người đều bắt đầu từ những nhận thức ban đầu do quan sát, tiếp xúc, cùng với sự giáo dục dần dần mà có.

Để xây dựng phong trào toàn dân tham gia, chấp hành nghiêm các qui định của Pháp luật về bảo đảm trật tự ATGT, nhằm hạn chế thấp nhất và đi tới triệt tiêu những vi phạm gây ra những thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp và của người dân; đòi hỏi cần có sự đồng thuận nâng cao nhận thức của người dân, của mỗi học sinh, sinh viên trong việc chấp hành nghiêm Pháp luật về bảo đảm TTATGT. Đồng thời cần có sự vào

cuộc khẩn trương, kịp thời, phù hợp của Đảng, Nhà nước, chính phủ và của cả hệ thống chính trị.

## **BÀI 5: PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC**

Phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác là lĩnh vực quan trọng, các tội phạm này là những hành vi nguy hiểm cho xã hội. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay các loại tội phạm còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Trước tình hình đó việc Phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác là yếu tố quan trọng, góp phần bảo đảm quyền con người trong giai đoạn ngày nay.

Phạm vi bài này tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác.

Biên soạn bài giảng dựa vào Tài liệu tập huấn giáo dục QP và AN năm 2020; bộ luật tố tụng hình sự; luật hình sự năm 2015, bổ sung sửa đổi năm 2017 và các tài liệu khác có liên quan.

### **I. NHẬN THỨC VỀ TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC**

#### **A. KHÁI NIỆM VÀ DẤU HIỆU PHÁP LÝ CỦA CÁC TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC**

##### **1. Khái niệm**

Các tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ về nhân phẩm và danh dự được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.

Từ định nghĩa đầy đủ trên, có thể khái quát

- Thứ nhất → danh dự: Là một trong những yếu tố để khẳng định vai trò, vị trí, uy tín của một người hoặc một tổ chức trong xã hội, được Hiến pháp, pháp luật bảo hộ, không ai được xâm phạm.

Danh dự là sự coi trọng, đánh giá cao của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó. Khi con người tạo ra được cho mình những giá trị tinh thần, đạo đức và những giá trị đó được xã hội đánh giá, công nhận thì người đó có danh dự.

Tuy nhiên, mỗi chúng ta phải luôn giữ gìn và bảo vệ danh dự của mình và tôn trọng danh dự của người khác. Khi chúng ta biết giữ gìn danh dự của mình, của các cá nhân có được một sức mạnh tinh thần để làm điều tốt, hướng chúng ta đến điều thiện và tránh xa các điều xấu.

- Thứ hai → Nhân phẩm: Nhân phẩm là toàn bộ những phẩm chất mà con người có được.

Khi nói một người có nhân phẩm là một người có lương tâm, có nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh. Người có phẩm chất sẽ được xã hội đánh giá cao và kính trọng.

Xúc phạm đến nhân phẩm là hành vi thô bỉ, chà đạp tác động đến thân thể của một người khác, VD như: một người bị lột quần áo trước mặt người khác, bị nhốt vào chuồng nuôi súc vật, bị bắt quỳ lạy hoặc dùng những lời nói thô tục xúc phạm đến người khác...

Tất cả những hành vi nào không mang tính chất tôn trọng một người thì có thể coi là hành vi xúc phạm nhân phẩm người khác.

Do đó, những lời nói, thông tin, cử chỉ, hành động mang tính chất thóa mạ, chửi rủa người khác trước đám đông như nói người khác là trộm cắp, đi điểm mang tính quy chụp, vu khống xấu xa chính là xúc phạm đến nhân phẩm người khác.

Tóm lại, nhân phẩm là phẩm giá con người và chỉ con người mới có. Nhân phẩm là thứ tồn tại cùng một con người kể cả từ đứa trẻ mới sinh ra đến một người lớn tuổi và không khác biệt giữa: giàu - nghèo, sang - hèn.

## 2. Dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

### a) Dấu hiệu pháp lý.

Con người là thực thể đặc biệt trong xã hội, xã hội loài người chỉ có thể phát triển khi mỗi cá nhân được phát triển. Tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam, đều đề cao vai trò của con người và ngày càng hoàn thiện cơ chế bảo vệ các quyền con người, một trong những công cụ hữu hiệu để ghi nhận, củng cố, bảo vệ quyền con người gồm các dấu hiệu pháp lý cơ bản sau.

- Thứ nhất đó là: Pháp luật.

Mỗi người trong xã hội có thể có những giá trị DDNP giống hoặc khác nhau, tuy nhiên những giá trị nhân thân này đều được bảo vệ một cách bình đẳng bởi nhiều công cụ khác nhau, đặc biệt là pháp luật hình sự. Mọi hành vi xâm hại DDNP của con người đều bị trừng trị nghiêm khắc.

- Thứ hai: Danh dự, nhân phẩm của con người là những yếu tố về tinh thần, bao gồm phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm yêu mến của những người xung quanh, của xã hội đối với người đó.

+ Hành vi xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người là làm cho người đó bị xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ đối với những người xung quanh, người trong gia đình, tập thể, trong nhân dân, trong xã hội tùy thuộc vào vị thế, vai trò và nhiệm vụ, tuổi tác của người đó và mức độ của hành vi phạm tội.

+ Xâm hại đến DDNP của con người được thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến DDNP của con người.

\* Đa số hành vi nguy hiểm được thực hiện bằng hành động cụ thể, thường thể hiện bằng cách: Dùng hành động làm tổn hại đến thể chất và tinh thần của người khác và dùng những lời lẽ hoặc hành động có tính chất thóa mạ, khinh bỉ để làm nhục người khác hoặc gán một sự kiện xấu xa cho người khác làm cho xã hội đánh giá sai hoặc hình dung sai về người đó.

\* Sự đánh giá sai sự thật không phụ thuộc vào việc người đưa ra những tin tức đó vô tình hay cố ý. Tuy nhiên, tính chất nghiêm trọng của những tin tức đưa ra có thể khác nhau tùy theo nhân thân của người bị hại”.

VD: Em A nói bố mẹ của em B ăn cắp, ăn trộm (nhưng sự thật thì không phải, mà em A chỉ nghe qua người khác nói, sau đó em A đến nói với các bạn trong lớp). Từ lời nói

của em A đã làm tổn thương danh dự cho cả bố mẹ và em B, làm cho em B phải nghỉ học hoặc có ý trả thù em A bằng những hành động vi phạm pháp luật khác...

- Thứ ba, các tội xâm hại DDNP của con người: là những hành vi có lỗi xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ về DDNP của người khác. DDNP con người là một trong những quyền bất khả xâm phạm. trong Điều 20 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”.

+ Không ai hoặc cơ quan, tổ chức nào có quyền xâm hại đến DDNP của người khác, những hành vi xâm phạm đến DDNP của người khác đều bị pháp luật trừng trị; những quy định trong pháp luật hình sự nói về các tội xâm phạm DDNP của con người thể hiện thái độ kiên quyết đấu tranh chống các tội xâm phạm DDNP của con người của Nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, công dân, đây cũng là cơ sở pháp lý hình sự đầy đủ và thống nhất để các cơ quan tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các hành vi xâm phạm đến DDNP của con người sao cho đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không xử oan người vô tội.

+ Việc quy định các tội xâm hại DDNP của con người trong pháp luật hình sự không chỉ góp phần tuyên truyền, phổ biến cho mọi công dân có tinh thần, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người; răn đe đối với các thành viên không vững vàng, dễ bị lôi kéo trong xã hội mà còn có hình phạt thích đáng nhằm trừng trị và giáo dục chính bản thân người phạm tội.

b) Khách thể, chủ thể của các tội xâm hại nhân phẩm, danh dự của con người

- Khách thể.

+ Khách thể của các tội xâm hại nhân phẩm, danh dự của con người được thể hiện ngay trong tên gọi của Chương II, trong Hiến pháp. Đó là, quyền con người. Theo đó, con người phải là một cơ thể còn sống và có thời điểm tính từ khi sinh ra cho đến khi chết. Điều này để nhằm phân biệt các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với một số tội phạm cũng có những hành vi phạm tội tương tự nhưng tác động tới đối tượng không phải là con người (người đã chết...). Điều này cho thấy, không thể coi một con người đang còn sống khi chưa lọt lòng mẹ (còn ở trong bào thai) hoặc khi người đó đã chết.

+ Nhân phẩm được hiểu là phẩm chất, giá trị của một con người cụ thể và được pháp luật bảo vệ. Nhân phẩm là tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân, những yếu tố đặc trưng này tạo nên giá trị một con người.

+ Danh dự là sự coi trọng của dư luận xã hội, dựa trên giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp và là cái nhằm mang lại danh dự, nhằm tỏ rõ sự kính trọng của xã hội, của tập thể.

+ Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là làm cho người đó bị xúc phạm, bị coi thường, bị khinh rẻ trong gia đình, tập thể, trong nhân dân, trong xã hội tùy thuộc vào vị thế, vai trò và nhiệm vụ, tuổi tác của người đó và mức độ của hành vi phạm tội.

- Chủ thể: là người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện.

+ Do đó các tội phạm này chủ thể chỉ có thể là cá nhân có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt một độ tuổi nhất định.

+ Tuy nhiên, đối với một số tội phạm, thì ngoài dấu hiệu chung, chủ thể của tội phạm còn cần có các dấu hiệu đặc biệt như: người đang thi hành công vụ trong Điều 137, của Bộ luật hình sự “Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ”. VD: Một người CSGT hoặc một bạn A là cán bộ đoàn của trường, đang tham gia chương trình bảo vệ trật tự giao thông, gặp người vi phạm giao thông đã đánh đập, gây thương tích, khi người phạm lỗi không có biểu hiện chống đối người thi hành công vụ.

- Mặt khách quan và chủ quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

+ Mặt khách quan: Thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành động hoặc không hành động) xâm phạm trực tiếp tới nhân phẩm, danh dự của con người.

\* Trong Chương XIV của Bộ luật hình sự, đa số các hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bằng hành động phạm tội như: sử dụng các công cụ, phương tiện khác nhau để gây nên sự tác động tới con người cụ thể, gây ra những thiệt hại hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại cho con người đó.

\* Đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thường được thể hiện bằng lời nói, cử chỉ, hành vi phát tán... xâm phạm tới uy tín, danh dự, nhân phẩm của người khác...

\* Mặt khách quan của tội phạm còn thể hiện ở hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm này là những thiệt hại về thể chất như gây tổn hại về tinh thần như xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của con người. Phần lớn các tội phạm thuộc Chương XIV Bộ luật hình sự đều có cấu thành vật chất, tức là hậu quả là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm. Để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm này cần phải làm rõ mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả do hành vi đó gây ra.

Hiện nay không ít những vụ việc đau lòng đã xảy ra, gây hậu quả nghiêm trọng, để lại những mất mát cho gia đình, người thân. Bằng những hành vi như xúc phạm, vu khống hoặc đăng tải hình ảnh nhay cảm của người khác, làm cho họ xấu hổ với bạn bè, gia đình buộc phải tìm đến cái chết.

+ Mặt chủ quan: Phần lớn các tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Đối với một số tội, mục đích và động cơ phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

\* Ngoài ra, Bộ luật hình sự còn quy định động cơ hoặc mục đích phạm tội như động cơ đê hèn (tại điểm c khoản 2 các điều 151, 152, 153 – các tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em); hay để sử dụng vào mục đích vô nhân đạo, để đưa ra nước ngoài.

\* Còn đối với các tội khác, động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc.

## **B. PHÂN LOẠI CÁC TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM**

Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), các tội xâm phạm DDNP của con người gồm.

### **1. Các tội xâm phạm tình dục**

- Nhóm tội này gồm các tội sau.

Tội hiếp dâm (Điều 141); Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142); Tội cưỡng dâm (Điều 143); Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144); Tội giao

cầu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145); Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi, (Điều 146); Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm. (Điều 147).

VD: Các hình thức biểu hiện trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm quy định tại khoản 1 Điều 147 như:

- Trực tiếp trình diễn khiêu dâm trước mặt người dưới 16 tuổi hoặc dụ dỗ người dưới 16 tuổi trực tiếp trình diễn khiêu dâm;
- Chiều trực tiếp cảnh trình diễn khiêu dâm có sự tham gia của người dưới 16 tuổi;
- Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc người dưới 16 tuổi tự chụp, quay lại cảnh trình diễn khiêu dâm của mình sau đó phát tán;
- Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc người dưới 16 tuổi khỏa thân và truyền tải trực tiếp âm thanh, hình ảnh qua internet (livestream);
- Trình chiếu các ấn phẩm đồi trụy có sử dụng người dưới 16 tuổi hoặc hình ảnh mô phỏng người dưới 16 tuổi (hoạt hình, nhân vật được tạo ra bằng công nghệ số);
- Mô tả bộ phận nhạy cảm của con người.

## 2. Các tội mua bán người

Nhóm tội này gồm: Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em) (Đ.150); Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Đ.151); Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi (Đ.152); Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Đ.153); Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Đ.154).

VD: Trong Điều 151. Tội mua bán người dưới 16 tuổi

- Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;
- Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;
- Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại hai điểm trên.

Người nào thực hiện một trong các hành vi trên, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.

- Còn ở (Điều 154). Thực tế hiện nay ở nước ta, lợi dụng nhu cầu của những bệnh nhân cần thay thế mô bộ phận cơ thể, trong xã hội đã xuất hiện những nhóm người môi giới, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.

Đây là “Tội xâm phạm đến sức khỏe con người, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể con người”.

## 3. Các tội làm nhục người khác

Nhóm tội này gồm: Tội làm nhục người khác (Điều 121); Tội vu khống (Điều 122); Tội hành hạ người khác (Điều 110),

VD: Trong khoản 1 của điều 122- Tội vu khống “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm” như.

- Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.
- Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.

\* Còn trong khoản 3, phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm như:

- Vì động cơ đê hèn;
- Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân 46% trở lên;
- Làm nạn nhân tự sát.

#### 4. Nhóm tội khác như

Tội lây truyền HIV cho người khác; Tội cố ý truyền HIV cho người khác; Tội chống người thi hành công vụ.

- Các hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác làm tổn thương đến sức khỏe của người khác, bên cạnh đó, các hành vi phạm tội này còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của nạn nhân.

+ Trên thực tế, nạn nhân của những hành vi phạm tội này sẽ bị nhiễm HIV, vì thế họ mang tâm lý mặc cảm, lo sợ người khác kỳ thị; khi bị cộng đồng, tập thể, gia đình phát hiện HIV, bản thân nạn nhân khó chứng minh bản thân là nạn nhân của các hành vi phạm tội trên mà thường bị quy chụp là “vi phạm các tệ nạn xã hội” (như quan hệ tình dục với người hành nghề mại dâm hoặc sử dụng ma túy).

+ Chính những hệ lụy của hành vi phạm tội này đã làm cho nạn nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến DDNP của bản thân họ. Chính vì thế, hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác “cũng làm ảnh hưởng đến nhân phẩm danh dự con người”.

- Cùng với đó, hành vi chống người thi hành công vụ không những xâm phạm đến hoạt động quản lý xã hội nói chung và hoạt động quản lý hành chính nói riêng của cơ quan Nhà nước và nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của cán bộ trực tiếp thi hành nhiệm vụ.

Do đó, tội lây truyền HIV cho người khác; tội cố ý truyền HIV cho người khác và tội chống người thi hành công vụ vẫn được xếp vào nhóm các tội xâm phạm DDNP của con người.

\* LƯU Ý: Hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm ở mức độ nhẹ thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính, mức độ nặng hơn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác theo quy định của pháp luật hình sự hiện nay.

(1)- Về xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác có thể bị xử phạt hành chính, theo quy định tại Điều 5 - Nghị định số 167/2013/NĐ-CP như sau. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây. “Có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác”.

(2) - "Điều 155. Tội làm nhục người khác

Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

- Làm nhục người khác là hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của con người.

- Người phạm tội phải là người có hành vi (bằng lời nói hoặc hành động) xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, như: lăng mạ, chửi rủa thậm tệ, cạo đầu, cắt tóc, lột quần áo giữa đám đông... Để làm nhục người khác, người phạm tội có thể có những hành vi vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực như bắt trói, tra khảo, vật lộn, đấm đá hoặc dùng phương tiện nguy hiểm không chế, đe dọa, buộc người bị hại phải làm theo ý muốn của mình. Tất cả hành vi, thủ đoạn đó chỉ nhằm mục đích là làm nhục chứ không nhằm mục đích khác.

Còn nếu hành vi làm nhục người khác lại cấu thành một tội độc lập thì tùy trường hợp cụ thể, người phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội làm nhục và tội tương ứng với hành vi đã thực hiện.

### C. NGUYÊN NHÂN, ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH TRẠNG PHẠM TỘI DANH DỰ, NHÂN PHẨM

Để phòng ngừa có hiệu quả tội phạm đòi hỏi các cơ quan chức năng phải xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm xây dựng chiến lược phòng ngừa phù hợp. Từ thực tế nghiên cứu ở Việt Nam và các nước trong khu vực, có thể xác định những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm như sau.

#### 1. Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường.

- Kinh tế thị trường có mặt ưu điểm là thúc đẩy nền kinh tế của mỗi quốc gia phát triển nhanh, năng động, tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước, nâng cao đời sống nhân dân. Song, kinh tế thị trường cũng có những mặt trái trở thành nguyên nhân phát sinh, phát triển tội phạm. Sự hình thành và phát triển lối sống hưởng thụ, xa hoa truy lạc cũng tạo điều kiện cho tội phạm phát triển.

- Kinh tế thị trường cũng làm xuống cấp về đạo đức, văn hoá, lối sống, làm mất đi những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Kinh tế thị trường còn thúc đẩy nhanh sự phân tầng xã hội, tạo ra sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc, một bộ phận giàu lên nhanh chóng trong đó có một số người làm giàu bất chính từ đó dẫn đến phạm tội, mặt khác không ít người không có tư liệu sản xuất phải ra thành phố, thị xã làm thuê kiếm sống bị tác động bởi những hiện tượng tiêu cực dễ dẫn đến phạm tội.

#### 2. Sự tác động của những hiện tượng xã hội tiêu cực do tàn dư chế độ cũ để lại.

- Hậu quả của chế độ thực dân, đế quốc cùng với chiến tranh kéo dài trong nhiều năm đã phá hoại cơ sở vật chất, hình thành lối sống hưởng thụ, tư tưởng tham lam, ích kỉ, sa đọa truy lạc trong một bộ phận nhân dân.

- Tư tưởng trọng nam, coi thường phụ nữ; những tác động tiêu cực, tàn dư của chế độ xã hội cũ còn tồn tại lâu dài tác động vào đời sống xã hội làm nảy sinh các hiện tượng tiêu cực trong đó có tội phạm.

#### 3. Sự xâm nhập, ảnh hưởng của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác.

Hiện nay, hội nhập sâu rộng về nhiều mặt giữa các quốc gia là một xu thế tất yếu. Hội nhập đang là cơ hội cho các nước đẩy nhanh tốc độ phát triển, song kéo theo đó là sự xâm nhập, ảnh hưởng trực tiếp của các hiện tượng tiêu cực, tội phạm. Đặc biệt cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại đang phát triển như vũ bão, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở mỗi quốc gia làm cho sự tác động mặt trái của nó cũng hết sức phức tạp.



4. Những sơ hở, thiếu sót trong các mặt công tác quản lý của Nhà nước, các cấp, các ngành là những điều kiện để tội phạm phát triển.

Sự sơ hở, thiếu sót trong quản lý con người, quản lý nhân, hộ khẩu, quản lý cư trú, quản lý xuất, nhập cảnh, xuất nhập khẩu, quản lý biên giới tạo điều kiện cho các băng nhóm tội phạm trong và ngoài nước xâm nhập và hoạt động. Những hạn chế, yếu kém trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hoạt động khách sạn, vũ trường, nhà nghỉ, karaoke, massage... làm phát triển các tệ nạn như mại dâm, ma túy, tạo điều kiện cho tội phạm biến dạng phức tạp.

5. Những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của người dân.

6. Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, việc thực thi pháp luật kém hiệu quả, một số chính sách kinh tế - xã hội và pháp luật chậm đổi mới, tạo sơ hở cho tội phạm lợi dụng hoạt động phạm tội.

Quản lý xã hội bằng pháp luật là quy luật, là nguyên tắc của các quốc gia. Tuy nhiên, ở Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, còn nhiều kẽ hở, chưa điều chỉnh hết các quan hệ xã hội phức tạp. Việc thực thi pháp luật còn chưa hiệu quả, kỷ cương phép nước chưa nghiêm, trình độ văn hoá pháp luật của người dân còn hạn chế, điều đó làm cho tội phạm còn cơ hội tồn tại và phát triển.

7. Công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng nói chung và của ngành công an nói riêng còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót thể hiện trên các mặt.

- Trình độ nghiệp vụ, pháp luật của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến hữu khuynh né tránh, thậm chí có một số cán bộ biến chất, tiếp tay cho tội phạm, buông lỏng công tác đấu tranh trấn áp tội phạm.

- Mối quan hệ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa thực sự đồng bộ, thiếu thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, giáo dục, cải tạo phạm nhân. Hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật còn chưa tốt.

- Số vụ phát hiện, điều tra ít hơn so với thực tế tội phạm xảy ra, tội phạm ẩn còn nhiều. Hoạt động điều tra, xử lý tội phạm chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, xử lý chưa nghiêm minh.

- Hệ thống tổ chức bộ máy, phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và trong nội bộ từng cơ quan chưa thực sự khoa học, hiệu quả vận hành chưa cao.

8. Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự còn bộc lộ nhiều sơ hở. Công tác giáo dục cải tạo chưa xoá bỏ được tư tưởng phạm tội của các đối tượng, số đối tượng phạm tội trở lại còn nhiều. Khuynh hướng chỉ chú trọng xử lý tội phạm mà coi nhẹ công tác phòng ngừa.

9. Phong trào quần chúng tham gia đấu tranh chống tội phạm ở một số nơi chưa thực sự mạnh mẽ, chưa hiệu quả. Chưa phát huy được sức mạnh của quần chúng trong công tác giáo dục, cải tạo và tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội.

- Phát động phong trào quần chúng rộng khắp tham gia hoạt động phòng, chống tội phạm là vấn đề cơ bản, có tính chiến lược, lâu dài. Tuy nhiên, do sự chênh lệch về trình độ phát triển của các vùng miền, do hạn chế, yếu kém trong công tác tổ chức, tuyên truyền vận động quần chúng nên phong trào không thường xuyên, thiếu mạnh mẽ, hiệu quả chưa cao.

- Nội dung, hình thức giáo dục còn nhiều bất cập, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, nơi có trình độ dân trí thấp, nhiều người không có kiến thức cơ bản về pháp luật, thậm chí khi phạm tội vẫn không biết là mình vi phạm pháp luật hình sự.

Tóm lại, để hoạt động phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả thiết thực, mỗi quốc gia, mỗi địa phương phải nghiên cứu, xác định rõ những nguyên nhân, điều kiện phát sinh và phát triển tội phạm, từ đó xây dựng và thực thi các chủ trương, biện pháp phòng chống phù hợp.

## **II. NHẬN THỨC VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC**

### **1. Khái niệm phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác**

Khái niệm: Phòng chống tội phạm là quá trình sử dụng các biện pháp, chiến lược, phương tiện cần thiết với sự tham gia của nhiều lực lượng xã hội, nhằm hạn chế, ngăn chặn, không để tội phạm xảy ra, xử lý làm giảm tội phạm và quản lý giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Phòng ngừa chung: Sử dụng các biện pháp chung nhất của xã hội, nhằm nâng cao đời sống vật chất → hạn chế nạn thất nghiệp → hạn chế tội phạm gia tăng.

Phòng ngừa riêng: Áp dụng các biện pháp chuyên môn của cơ quan, tổ chức xã hội, nhằm tác động trực tiếp đến đối tượng cụ thể.

Khái niệm trên chỉ ra mấy nội dung sau.

- Phòng ngừa tội phạm là việc các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều biện pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

- Phòng ngừa tội phạm là phương hướng chính, là tư tưởng chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng ngừa không để tội phạm xảy ra.

- Phòng ngừa mang ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc, làm tốt công tác phòng ngừa giúp giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của xã hội, tính mạng, sức khỏe, danh dự, phẩm giá của mọi người dân.

- Làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm mang ý nghĩa kinh tế sâu sắc, tiết kiệm ngân sách Nhà nước, sức lao động của các nhân viên Nhà nước, của công dân trong các hoạt động điều tra truy tố xét xử và giáo dục cải tạo người phạm tội, cũng như trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tội phạm.

- Phòng, chống tội phạm được tiến hành theo hai hướng cơ bản sau

+ Hướng thứ nhất: Phát hiện, khắc phục, hạn chế và đi đến thủ tiêu các hiện tượng xã hội tiêu cực là những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội và phạm tội cụ thể. Đây là hướng mang tính cơ bản, chiến lược và lâu dài.

+ Hướng thứ hai: Hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi tội phạm xảy ra. Đây cũng là một hướng quan trọng không thể xem nhẹ, bởi trong thực tế những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, phát triển tội phạm vẫn tồn tại, hoạt động phòng ngừa tội phạm còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết nên tội phạm vẫn xảy ra. Hướng này đòi hỏi các cơ quan chức năng phối hợp kịp thời phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, cải tạo người phạm tội trở thành người công dân lương thiện.

- Phòng chống tội phạm mang tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và các công dân.

Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

## 2. Chủ thể và những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng, chống tội phạm

Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn diện sự nghiệp đổi mới, trong đó có hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động phòng, chống tội phạm luôn có đường lối, quan điểm, chủ trương đúng đắn, khoa học, nhất quán, ngoài ra cần tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc.

### a) Chủ thể hoạt động phòng, chống tội phạm

Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị và giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị, lãnh đạo toàn diện, triệt để sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam, trong đó lãnh đạo công tác phòng chống tội phạm là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động phòng, chống tội phạm được thể hiện.

- Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và mỗi địa phương. Vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong hoạt động phòng, chống tội phạm được thể hiện trên những nội dung sau.

+ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ động, kịp thời ban hành các đạo luật, nghị quyết, pháp lệnh nhằm không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật, làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mỗi công dân làm tốt công tác phòng, chống tội phạm. Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương kịp thời ra các nghị quyết về phòng, chống tội phạm phù hợp với địa phương mình.

+ Quốc hội thành lập các ủy ban, các tiểu ban giúp cho việc soạn thảo, thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung (Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp, Ủy ban Quốc phòng - An ninh...).

+ Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng của các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Là các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương và các cấp địa phương, có chức năng quản lý nhà nước đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Với nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp quản lý điều hành, phối hợp và bảo đảm các điều kiện cần thiết, cụ thể.

+ Cụ thể hoá các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các đạo luật của Nhà nước thành các văn bản hướng dẫn thi hành (nghị định, thông tư, nghị quyết, quyết định...) để triển khai, tổ chức lực lượng phòng, chống tội phạm.

+ Sử dụng các cơ quan chuyên trách của Chính phủ tiến hành hoạt động phòng, chống tội phạm: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.

+ Phối hợp đồng bộ hoạt động giữa các chủ thể theo kế hoạch thống nhất. Bảo đảm các điều kiện vật chất cho hoạt động phòng, chống tội phạm như: kinh phí, phương tiện, điều kiện làm việc.

+ Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và phối hợp điều chỉnh hoạt động phòng, chống tội phạm đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đề ra các biện pháp khuyến khích, động viên, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia hoạt động phòng, chống tội phạm như: tuyên truyền, giáo dục, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến...

+ Các cơ quan quản lý kinh tế, văn hoá - xã hội, giáo dục, dịch vụ, du lịch, trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình có nhiệm vụ: phát hiện những nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm trong lĩnh vực của mình quản lý. Đề ra những quy định thích hợp, tham mưu cho các cơ quan nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật phòng, chống tội phạm sát thực tiễn. Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa tội phạm trong cơ quan, đơn vị có hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp tham gia hoạt động phòng chống tội phạm theo chương trình chung của Chính phủ.

- Các tổ chức xã hội, các tổ chức quần chúng tự quản  
Các tổ chức đoàn thể trên giữ vị trí vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, cụ thể.

+ Phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn soạn thảo, tham gia kế hoạch phòng ngừa tội phạm.

+ Tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nâng cao ý thức cảnh giác.

+ Trực tiếp huy động các hội viên tham gia chương trình phòng chống tội phạm của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ hiệp hội của mình, bằng cách: Giáo dục tinh thần cảnh giác, ý thức trách nhiệm của các thành viên; động viên mọi người tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tội phạm; tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư.

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật: Công an, Viện kiểm sát, Toà án.

Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật vừa có chức năng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, vừa có chức năng tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành các chủ trương, biện pháp phòng chống tội phạm có hiệu quả.

Các cơ quan trên đều có những nhiệm vụ chung trong phòng, chống tội phạm như.

+ Nghiên cứu, phân tích tình trạng phạm tội, xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện phát sinh và phát triển tội phạm, soạn thảo và đề xuất các biện pháp phòng chống thích hợp.

+ Sử dụng các biện pháp luật định và biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, trực tiếp tiến hành các hoạt động phòng, chống tội phạm.

+ Đối với lực lượng Công an phải trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động phòng chống tội phạm theo hai hướng: tham gia phòng ngừa chung và trực tiếp hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ, điều tra tội phạm.

+ Viện Kiểm sát thực hiện chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp như: điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chịu án phạt tù...

+ Toà án tiến hành xét xử công minh, chính xác, kịp thời các vụ án hình sự; tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục mọi người ý thức phòng, chống tội phạm; phối hợp với các cơ quan hữu quan để khắc phục những nguyên nhân, điều kiện phát sinh, phát triển tội phạm.

+ Bộ Tư pháp trực tiếp tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, khắc phục những sơ hở thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

- Công dân

Công dân có nghĩa vụ và quyền lợi trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự. Công dân với tư cách là chủ thể trong phòng chống tội phạm phải.

+ Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, tích cực tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm.

+ Tích cực, chủ động phát hiện mọi hoạt động của tội phạm và thông báo cho các cơ quan chức năng.

+ Tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư.

+ Phối hợp tham gia, giúp đỡ các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện tốt “Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm”. Thực hiện tốt các phong trào: “Toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, tố giác tội phạm, cảm hoá giáo dục người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư”, làm tốt công tác tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội khi trở về địa phương.

+ Trực tiếp làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình (quản lý, giáo dục các thành viên trong gia đình).

Như vậy phòng, chống tội phạm phải do các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân tiến hành với tư cách là chủ thể, trong đó lực lượng công an giữ vai trò nòng cốt, xung kích.

b) Những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

Việt Nam; ĐCS lãnh đạo toàn diện sự nghiệp đổi mới trong đó có hoạt động đấu tranh PCTP. Dưới sự lãnh đạo của đảng, hoạt động PCTP luôn có đường lối, quan điểm, chủ trương đúng đắn, khoa học, nhất quán, ngoài ra cần tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc sau.

- Nguyên tắc pháp chế

Pháp chế là một nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền. Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân phải tôn trọng và thực thi pháp luật một cách nghiêm chỉnh, chính xác và kịp thời. Trong hoạt động phòng, chống tội phạm, nguyên tắc pháp chế đòi hỏi mọi hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục người chịu án phạt tù đều phải triệt để tuân theo các trình tự, thủ tục được pháp luật quy định.

- Nguyên tắc dân chủ

Thực hiện nguyên tắc dân chủ nhằm phát huy trí tuệ, sức lực của nhân dân trong phòng, chống tội phạm theo phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Hoạt động phòng, chống tội phạm chỉ đạt hiệu quả cao khi huy động được sự tham gia tự giác, tích cực của mọi tầng lớp nhân dân. Thực hiện nguyên tắc dân chủ đòi hỏi trong hoạt động phòng, chống tội phạm phải luôn dựa vào sức mạnh của nhân dân, động viên nhân dân tham gia trong việc phát hiện tội phạm, tích cực đấu tranh, giáo dục tinh thần cảnh giác, đề xuất sáng kiến, giải pháp thiết thực, phù hợp để hoạt động phòng, chống tội phạm đạt kết quả cao.

- Nguyên tắc nhân đạo

Nhân đạo là bản chất của xã hội văn minh, nhất là đối với chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc nhân đạo là trong đấu tranh chống tội phạm không nhằm mục đích trừng phạt, hành hạ người phạm tội, mà chủ yếu để giáo dục, cải tạo họ trở lại con đường lương thiện, có ích cho xã hội; mặt khác để giáo dục, răn đe không để tội phạm xảy ra, không để người dân nào phải bị xử lý trước pháp luật vì hành vi phạm tội.

- Nguyên tắc khoa học và tiến bộ

Thực hiện nguyên tắc khoa học, tiến bộ trong phòng chống tội phạm là nhằm áp dụng những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại để bảo đảm công tác phòng, chống tội phạm được nhanh chóng, chính xác, đạt hiệu quả cao. Thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi hoạt động phòng, chống tội phạm phải sử dụng tổng hợp các biện pháp, các lực lượng với cơ chế điều hành khoa học, phù hợp với từng hoàn cảnh, nguyên nhân, điều kiện của tội phạm. Đẩy mạnh đầu tư, áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ tiên tiến, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hiện đại.

- Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể.

Nguyên tắc phối hợp và cụ thể là nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, lực lượng; bảo đảm tính chặt chẽ, thống nhất để đạt hiệu quả cao trong hoạt động phòng, chống tội phạm. Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình hoạt động phòng, chống tội phạm phải huy động được sự tham gia đồng bộ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo chương trình, kế hoạch chung của Chính phủ. Cần phải quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng chủ thể trong hoạt động phòng, chống tội phạm, tránh chồng chéo, bỏ sót địa bàn; tránh biệt lập giữa các lực lượng, đùn đẩy, lảng tránh trách nhiệm.

- Nguyên tắc cụ thể hóa trong phòng ngừa tội phạm.

Biện pháp phòng ngừa tội phạm luôn được nhận thức rõ ràng, chứa đựng các giải pháp khả thi và phù hợp với điều kiện đặc thù về phòng chống tội phạm ở mỗi địa phương mỗi ngành mỗi lĩnh vực.

### 3. Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

#### a) Tổ chức tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế, xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm

+ Gắn việc hoạch định, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, xã hội với công tác phòng, chống tội phạm, khắc phục sơ hở, thiếu sót mà tội phạm có thể lợi dụng hoạt động. Đặc biệt trong quá trình hoạch định, thực hiện các chính sách kinh tế như: Góp vốn, cho vay vốn đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, các dự án đầu tư của nước ngoài, chính sách tái cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp, cổ phần hóa doanh nghiệp cần công khai, minh bạch, có giám sát chặt chẽ của cơ quan tài chính, kiểm toán để tránh tình trạng tài sản nhà nước bị thất thoát; cần có cơ chế, chính sách quản lý chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại; thị trường vốn; thị trường chứng khoán, bất động sản; đổi mới các chính sách tạm nhập, tái xuất; chính sách về thuế, chính sách quản lý đất đai... Nghiên cứu đổi mới các chính sách xã hội liên quan đến phòng, chống tội phạm, như: Chính sách giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, chính sách giáo dục, cảm hóa người lầm lỗi. Ban hành quy định việc

thẩm định về bảo đảm yêu cầu an ninh, trật tự đối với các dự án phát triển kinh tế, xã hội trọng Điểm quốc gia.

+ Tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh, nhất là kiến thức về phòng, chống tội phạm cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy; coi trọng giáo dục đạo đức, pháp luật, văn hóa, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp, đưa chương trình giáo dục phòng, chống tội phạm vào các nhà trường. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

+ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tập trung nghiên cứu dự báo, luật hóa kịp thời các hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện. Xây dựng, ban hành kịp thời văn bản hướng dẫn thi hành sau khi các luật, bộ luật có hiệu lực.

+ Hoàn thiện chế độ, chính sách đặc thù đối với các cán bộ kiêm nhiệm và những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia công tác phòng, chống tội phạm.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

+ Đổi mới về nội dung, hình thức, biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong từng thời kỳ; tập trung xây dựng và củng cố phong trào ở các địa bàn trọng Điểm, chiến lược, vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, vùng biên giới, biển đảo, khu công nghiệp và các thành phố lớn; lồng ghép với các cuộc vận động, phong trào thi đua, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Ban, ngành, đoàn thể và địa phương; gắn kết thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, kịp thời phát hiện, giải quyết ngay tại cơ sở các vấn đề có liên quan đến lợi ích chính đáng của người dân, hạn chế không để xảy ra “Điểm nóng” trong cộng đồng dân cư, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

+ Thường xuyên cải tiến hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm của nhân dân về phòng, chống tội phạm: Kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền, vừa rộng rãi, vừa mở đợt tập trung, vừa tuyên truyền cá biệt; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc họp của tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị, trường học, tổ dân phố, cụm dân cư. Chú trọng hình thức tuyên truyền, vận động cá biệt đối với các đối tượng có nguy cơ phạm tội, tái phạm và tại các địa bàn trọng Điểm về trật tự, an toàn xã hội. Thành lập trang thông tin điện tử phong trào toàn dân bảo vệ an ninh, trật tự.

+ Đẩy mạnh công tác xây dựng mô hình, nhân điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng các mô hình tổ chức quần chúng tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh, trật tự ngay từ gia đình, cộng đồng dân cư, trong từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhà trường; thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình có hiệu quả cao, nghiên cứu xây dựng những mô hình mới phù hợp với tình hình đặc Điểm từng địa bàn. Tổ chức cho nhân dân, cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên ký cam kết xây dựng khu dân cư, xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường “An toàn về an ninh, trật tự”. Kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, có chính sách thỏa đáng đối với những trường hợp bị thương, hy sinh hoặc thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống tội phạm.

+ Tăng cường nguồn lực cho công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách, nhất là các lực lượng Công an xã, Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố, Bảo vệ chuyên trách các cơ quan, doanh nghiệp; phát huy vai trò Bí thư chi bộ, Trưởng khu dân cư, Trưởng Ban công tác mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở, những người có uy tín trong dòng họ; dân tộc, tôn giáo, các vị chức sắc tiêu biểu, các điển hình... làm chỗ dựa cho nhân dân trong phòng, chống tội phạm ở cơ sở; đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất và Điều kiện bảo đảm phục vụ công tác xây dựng phong trào.

- Quản lý, giáo dục cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với người phạm tội, vi phạm pháp luật và đối tượng có nguy cơ phạm tội.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giam giữ, quản lý, giáo dục cải tạo các loại đối tượng; tập trung giáo dục cá biệt đối với số phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy cơ sở giam giữ, giảm tỷ lệ phạm nhân cải tạo kém. Chủ động phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sơ hở, thiếu sót trong công tác giam giữ, quản lý, giáo dục cải tạo và thực hiện chế độ, chính sách đối với các loại đối tượng giam giữ, quản lý không để phát sinh bức xúc, phản ứng tiêu cực, gây rối, chống đối tập thể, gây mất an ninh, an toàn cơ sở giam giữ, quản lý.

+ Chủ động thực hiện các biện pháp giúp phạm nhân chuẩn bị tái hòa nhập ngay trong quá trình chấp hành án, đồng thời thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục dạy nghề, truyền nghề, tạo việc làm cho phạm nhân, trại viên, học sinh. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án, người được tha tù trước thời hạn có Điều kiện.

+ Lồng ghép công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù với các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và công tác phòng, chống tội phạm ở từng địa phương. Cân đối, bố trí nguồn lực của Trung ương và các địa phương, nguồn lực xã hội bảo đảm thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

+ Xác định trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, hiệu quả phối hợp của các ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân trong quản lý và giám sát thi hành các hình phạt ngoài hình phạt tù, các đối tượng được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các đối tượng có nguy cơ phạm tội trên địa bàn.

- Tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội

+ Tập trung quản lý nhà nước về cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, xuất bản... Đổi mới phương thức quản lý một số ngành nghề kinh doanh có Điều kiện không để tội phạm lợi dụng hoạt động, nhất là dịch vụ cầm cố, thế chấp tài sản, vũ trường, quán bar, karaoke, game, bán hàng đa cấp...

+ Tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Đổi mới chính sách, biện pháp quản lý và xử lý đối với các hoạt động tệ nạn xã hội (mại dâm, cờ bạc, nghiện ma túy).

- Đẩy mạnh hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ

+ Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các biện pháp công tác nghiệp vụ, đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác nắm tình hình, thống kê tội phạm, chủ động nắm diễn biến tình hình hoạt động của các loại tội phạm trên các tuyến, địa bàn, lĩnh



vực trọng Điểm; chủ động rà soát, lập hồ sơ quản lý đối với các đối tượng có dấu hiệu hoạt động phạm tội “đâm thuê, chém mướn”, “bảo kê”, “xiết nợ”, đòi nợ thuê, cho vay lãi nặng, cưỡng đoạt tài sản, tổ chức trái phép các hoạt động cờ bạc, cá độ thể thao, các hoạt động chuyển giá, sở hữu chéo, các hoạt động lợi dụng kinh doanh để phạm tội; các đường dây buôn lậu, mua bán và vận chuyển trái phép các chất ma túy lớn.

+ Kịp thời lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng và cơ sở chữa bệnh bắt buộc; quản lý chặt chẽ những người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã, người đang trong giai đoạn Điều tra, truy tố, xét xử.

+ Chú trọng bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã, tập trung số đối tượng nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm. Xây dựng, nâng cao chất lượng các hoạt động tuần tra kiểm soát kết hợp với các hoạt động nghiệp vụ chủ động phòng ngừa tội phạm trên các tuyến giao thông, các địa bàn trọng Điểm, địa bàn đô thị và giáp ranh.

+ Đẩy mạnh hoạt động phòng ngừa tội phạm theo chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng trong Quân đội, Hải quan, Kiểm lâm, Thanh tra, Quản lý thị trường..., kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm; phát hiện những thiếu sót, sơ hở của chính sách, cơ chế quản lý nhà nước từ đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Phát huy vai trò của các lực lượng Cảnh sát biển, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Công an, An ninh hàng không trong phối hợp tổ chức tuần tra, kiểm soát đường biên giới trên đất liền, trên biển, đảo, đường Bưu điện, đường Hàng không.

b) Tổ chức tiến hành các hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm

- Xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch chuyên đề đấu tranh với các loại tội phạm nổi lên ở từng giai đoạn. Mở các đợt cao Điểm tấn công trấn áp tội phạm bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa của đất nước.

- Thường xuyên rà soát xác định các địa bàn trọng Điểm về trật tự, an toàn xã hội để tập trung lực lượng chuyển hóa thành địa bàn không có tội phạm hoặc giảm tội phạm đến mức thấp nhất.

- Nâng cao chất lượng công tác Điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động trình sát và hoạt động Điều tra tố tụng hình sự; không để lọt tội phạm; không làm oan người vô tội; đảm bảo Điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, kịp thời những vụ án lớn, dư luận xã hội quan tâm; tăng cường xét xử lưu động để răn đe tội phạm và tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan Điều tra với Viện Kiểm sát, cơ quan Thanh tra của Chính phủ, Thanh tra của các Bộ, ngành, cơ quan thuế và Kiểm toán tập trung phát hiện, Điều tra xử lý các vụ án về kinh tế, chức vụ và tham nhũng; kịp thời xác minh, truy tìm tài sản bị chiếm đoạt, nâng cao tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt.

- Nghiên cứu xử lý, giải quyết thu hồi tài sản được thu giữ trong quá trình phát hiện, Điều tra, truy tố, xét xử có hiệu quả nhất, nhằm tránh hư hao, thất thoát, mất giá trị khi thanh lý, đấu giá làm giảm thu cho ngân sách nhà nước.

4. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm

Hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm được xác định ở hai mức độ khác nhau: Phòng ngừa chung (phòng ngừa xã hội) và phòng chống riêng (chuyên môn).

- Phòng ngừa chung: là tổng hợp tất cả các biện pháp về chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, giáo dục.

- Phòng chống riêng (phòng và chống của lĩnh vực chuyên môn): là việc áp dụng các biện pháp mang tính đặc trưng, chuyên môn của từng ngành, từng lực lượng, trong đó có hoạt động của cơ quan công an với vai trò nòng cốt, xung kích.

Khi nghiên cứu các biện pháp phòng chống tội phạm có thể phân loại thành các hệ thống biện pháp phòng chống như sau.

+ Theo nội dung tác động của phòng ngừa tội phạm: Biện pháp kinh tế, biện pháp giáo dục, biện pháp tổ chức, biện pháp pháp luật.

+ Theo phạm vi, quy mô tác động của các biện pháp phòng chống tội phạm: Có các biện pháp trong một tỉnh, một thành phố, trên phạm vi cả quốc gia.

+ Theo phạm vi các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, xã hội, như: Phòng ngừa trong các khu vực: kinh tế, tuyến giao thông trọng điểm.

+ Theo phạm vi đối tượng tác động của biện pháp phòng chống tội phạm, có:

\* Các biện pháp phòng chống tội phạm nói chung trong cả nước: Kinh tế, chính trị, giáo dục.

\* Biện pháp phòng chống cá biệt: Đối với từng đối tượng phạm tội cụ thể.

- Theo chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm.

+ Biện pháp của các cơ quan trực tiếp chỉ đạo và thực hiện chuyên môn phòng chống tội phạm: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.

+ Biện pháp của các tổ chức xã hội: Đoàn thanh niên, hội phụ nữ.

+ Biện pháp của công dân.

## 5. Phòng chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm trong nhà trường

### a) Trách nhiệm của nhà trường

- Thực hiện đầy đủ chương trình phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, tính mạng trong nhà trường; tuyên truyền giáo dục các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm để cho sinh viên thấy được trách nhiệm của mình, của nhà trường trong đấu tranh phòng chống tội phạm danh dự, tính mạng, từ đó tự giác tham gia.

- Xây dựng nhà trường trong sạch, lành mạnh không có các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và tội phạm.

- Xây dựng quy chế quản lý sinh viên, quản lý kí túc xá, các tổ chức sinh viên tự quản, tổ thanh niên xung kích để tuần tra kiểm soát trong khu vực trường.

- Tổ chức cho sinh viên tham gia kí kết không tham gia tệ nạn xã hội, không có hành vi hoạt động phạm tội.

- Tổ chức cho sinh viên tham gia các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật Hình sự, phòng chống tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung trong đó có tội phạm danh dự, tính mạng.

- Phát động các phong trào trong nhà trường hưởng ứng các cuộc vận động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm với nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường.

- Phối hợp với lực lượng công an cơ sở trong rà soát phát hiện, cung cấp số sinh viên có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội để có biện pháp quản lý, giáo dục; đấu tranh xoá bỏ các tụ điểm hoạt động tệ nạn xã hội ở khu vực xung quanh trường.

### b) Trách nhiệm của sinh viên

- Không ngừng học tập nâng cao kiến thức, ý thức pháp luật và nội dung cơ bản nhất về phòng ngừa tội phạm. Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho mọi người.

- Chấp hành nghiêm chỉnh những nội quy, quy định của nhà trường trong lĩnh vực học tập, sinh hoạt tập thể.

- Trực tiếp tham gia các hoạt động phòng ngừa tội phạm, tham gia vào các tổ chức thanh niên xung kích tiến hành tuần tra, kiểm soát bảo vệ an ninh trật tự trong khu vực trường, lớp; phát hiện các hiện tượng tiêu cực có thể nảy sinh trong trường, lớp; các quan hệ nam nữ không lành mạnh, các hành vi nghi vấn nghiện ma túy, cờ bạc, chơi lô đề, cá cược bóng đá... có thể dẫn đến tội phạm nói chung và tội phạm danh dự, tính mạng.

- Khi có vụ phạm tội xảy ra trong khu vực trường, lớp phát hiện và cung cấp cho cơ quan chức năng những thông tin có liên quan đến vụ việc phạm tội, người phạm tội; tùy theo từng điều kiện cụ thể của mỗi người mà có thể tham gia cộng tác giúp đỡ lực lượng công an một cách công khai hay bí mật.

## **KẾT LUẬN**

Đấu tranh phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm là trách nhiệm, nhiệm vụ hết sức quan trọng trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đòi hỏi các cấp, các ngành và toàn dân cùng chung tay chung sức, nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm phải được tiến hành đồng bộ của các cấp, các ngành, của nhân dân, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy mỗi sinh viên phải học tập nghiêm túc hiểu biết đầy đủ, đề cao trách nhiệm của tuổi trẻ cảnh giác trước mọi cám dỗ của bọn xấu, tích cực tuyên truyền, vận động mọi người tham gia phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong nhà trường và khu vực dân cư. Góp phần xây dựng xã hội văn minh lành mạnh.

## **BÀI 6: AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG CHỐNG VI PHẠM LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách và các biện pháp đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), gắn liền với công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đã chỉ rõ “phải gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng, phát triển CNTT phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia”, đặc biệt cần “phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách bảo vệ an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông” để có các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật, sẵn sàng đối phó với các cuộc chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Phạm vi bài giảng: Nghiên cứu thực trạng an toàn thông tin; các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

### **I. THỰC TRẠNG AN TOÀN THÔNG TIN HIỆN NAY**

#### **1. Một số khái niệm**

- An toàn thông tin: “An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành; duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng”.

- An toàn thông tin mạng: “An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin”.

- An ninh mạng: “An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

Khác với Luật an toàn thông tin mạng 2015 với mục đích để bảo vệ sự an toàn thông tin trên 03 phương diện: Tính nguyên vẹn của thông tin, tính bảo mật thông tin và tính khả dụng của thông tin; Luật An ninh mạng 2018 quy định tập trung vào chống lại các thông tin độc hại, xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, cơ quan trên môi trường mạng.

- Tội phạm công nghệ cao:

+ Theo Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân Việt Nam (2019), tội phạm sử dụng công nghệ cao là loại tội phạm sử dụng những thành tựu mới của khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý hoặc vô ý, gây nguy hiểm cho xã hội. Chủ thể của loại tội phạm này thường là những người có trình độ học vấn, chuyên môn cao, có thủ đoạn rất tinh vi, khó phát hiện.

+ Giáo trình “Những vấn đề cơ bản về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao” của Học viện Cảnh sát nhân dân (2015), tội phạm sử dụng công nghệ cao là: “Tội phạm được thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân”.

Trong những hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao có những hành vi tác động trực tiếp đến ba đặc điểm quan trọng nhất của an toàn thông tin (ATTT). ATTT yêu cầu đảm bảo ba đặc điểm là: Tính bí mật (Confidentiality), tính toàn vẹn (Integrity) và tính sẵn sàng (Availability)

## **2. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới**

- Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thông tin là một dạng tài nguyên. Chính vì thế, đảm bảo an ninh, ATTT là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Tuy nhiên hiện nay, các mối đe dọa từ không gian mạng không ngừng tăng lên và thay đổi nhanh chóng. An ninh mạng đang trở thành vấn đề nóng, đặt ra nhiều thách thức đối với tất cả các quốc gia trên toàn thế giới.

- Tình hình ATTT mạng diễn biến phức tạp, liên tục xảy ra các vụ tấn công, xâm nhập, đánh cắp dữ liệu trên hệ thống mạng của các cơ quan chính phủ, các cơ sở an ninh quốc phòng, tập đoàn kinh tế, cơ quan truyền thông của nhiều quốc gia, như các vụ tấn công vào hệ thống thư điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ, hệ thống máy tính của Nhà trắng, Hạ viện Đức, Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại và Cảnh sát liên bang Australia...

- Các mục tiêu tấn công đã thay đổi, kỹ thuật trở nên phức tạp hơn, hướng tấn công đa dạng hơn và công cụ tấn công được thiết kế chuẩn xác hơn. Những kẻ tấn công đã nghiên cứu kỹ các nạn nhân để có những chiến lược tấn công phù hợp, nhằm tạo ra những ảnh hưởng lớn nhất có thể.

- Tài chính là mục tiêu lớn nhất thúc đẩy tin tặc hành động, với 73% số lượng các cuộc tấn công mạng; chính trị, tình báo là mục tiêu lớn thứ hai, với 21% các cuộc tấn công.

- Các nhóm tội phạm mạng có tổ chức xuất hiện nhiều hơn. Chiến tranh mạng và đội quân tác chiến mạng cũng được chú trọng hơn. Trong cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng toàn cầu, các quốc gia đang xây dựng các trung tâm chỉ huy không gian mạng, nhằm củng cố hệ thống phòng thủ chống lại các cuộc tấn công mạng vào các cơ quan và cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, sự phát triển và phổ biến của mạng xã hội đã làm nảy sinh một nguy cơ ATTT nữa đó là việc lan truyền tin tức giả mạo thông qua mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức, thậm chí là tình hình an ninh, chính trị của cả một đất nước. Tiền ảo và các hành vi tội phạm liên quan đến tiền ảo cũng đang tiếp tục phát triển, bao gồm lây nhiễm phần mềm độc hại đào tiền ảo tới máy tính, máy chủ; lây nhiễm mã độc đào tiền ảo tới một trang web, sử dụng tài nguyên thiết bị của người tải trang web; đánh cắp tiền từ giao dịch tiền ảo.

### **3. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam**

- Báo cáo của hãng bảo mật Kaspersky và Symantec cho thấy, Việt Nam đứng thứ 3 (3,96%) sau Nga (4%) và Ấn Độ (8%) về số người dùng di động bị mã độc tấn công nhiều nhất trên thế giới; thứ 6 trên thế giới về số lượng địa chỉ IP trong nước được dùng trong các mạng máy tính mà tấn công nước khác; thứ 7 trên thế giới về phát tán tin nhắn rác và đứng thứ 12 trên thế giới về các hoạt động tấn công mạng.

- Năm 2011 có trên 1.500 cổng thông tin Việt Nam bị tin tặc sử dụng mã độc gián điệp dưới hình thức tập tin hình ảnh xâm nhập, kiểm soát, cài mã độc thay đổi giao diện trang chủ. Trong năm 2012 - 2013, Bộ Công an đã phát hiện gần 6.000 lượt cổng thông tin, trang tin điện tử của Việt Nam (trong đó có hơn 300 trang của cơ quan nhà nước) bị tấn công, chỉnh sửa nội dung và cài mã độc. Năm 2014, Bộ Công an phát hiện gần 6.000 trang bị tấn công, chiếm quyền quản trị, chỉnh sửa nội dung (có 246 trang tên miền gov.vn).

- Vào cuối năm 2014, tin tặc cũng đã mở đợt tấn công vào trung tâm dữ liệu của VCCorp khiến nhiều tờ báo mà công ty này đang vận hành kỹ thuật như Dân trí, Người lao động, Soha, VNEconomy, Kenh14... bị tê liệt. Năm 2015 có trên 2.460 website của các cơ quan, doanh nghiệp bị xâm nhập. Nguy cơ từ mã độc và Internet of Things (IoT) bùng nổ tạo "thị trường" lớn cho hacker là hai trong số những nguy cơ an ninh mạng mà người dùng phải đối mặt.

- Trong năm 2016, nổi bật là cuộc tấn công mạng vào một số màn hình hiển thị thông tin chuyến bay tại khu vực làm thủ tục chuyến bay của các sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay Phú Quốc. Các màn hình của sân bay đã bị chèn những hình ảnh và nội dung xuyên tạc về biển Đông. Hệ thống phát thanh của sân bay cũng phát đi những thông điệp tương tự. Đồng thời website của Vietnam Airlines cũng bị tấn công với 411.000 dữ liệu của hành khách đi máy bay đã bị hacker thu thập và phát tán.

- Năm 2017 mã độc tống tiền (ransomware) có tên là Wanna Cry trở thành mối nguy hiểm của ngành công nghệ thông tin và nó lây nhiễm với tốc độ chóng mặt ở gần 100 quốc gia, hơn 100 nghìn máy tính. Tại Việt Nam, ghi nhận hơn 100 máy tính bị nhiễm độc. Wanna Cry là một loại mã nhiễm độc tấn công vào máy nạn nhân qua tệp tin đính kèm email hoặc đường link độc hại, như các dòng ransomware khác.

- Năm 2018, thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam đã lên mức kỷ lục 14.900 tỷ đồng, tương đương 642 triệu USD, nhiều hơn 21% so với mức thiệt hại của năm 2017.

- Trong năm 2019, số cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin Việt Nam có chiều hướng giảm. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Bộ TT&TT ghi nhận 3.159 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 2.684 cuộc, tương đương 45,9% so với cùng kỳ năm 2018. Theo Cục ATTT (Bộ TT&TT) trong 4 tháng đầu năm 2020 tổng cộng 1.056 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam dẫn đến sự cố (553 cuộc Phishing, 280 cuộc Deface, 223 cuộc Malware), đã giảm 51,4% với 4 tháng đầu năm 2019.

## **II. CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

### **1. Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử**

#### **a) Spam**

- Spam hay còn gọi là tin rác, là viết tắt của Stupid Pointless Annoying Messages, từ này có ý nghĩa là những thông điệp vô nghĩa và gây phiền toái cho người nhận, được gửi đến nhiều người dùng với cùng một nội dung.

- Thuật ngữ spam lần đầu xuất hiện vào năm 1978, khi một người đàn ông gửi thư có nội dung y hệt nhau đến 393 người cùng lúc để quảng cáo sản phẩm mới của mình. Ngày nay, spam xuất hiện trên nhiều phương tiện như spam chat, spam tin tức, spam tin nhắn, spam trong forum, spam trên những mạng xã hội.

#### **b) Tin giả**

Theo định nghĩa của từ điển Collins, tin giả là “những thông tin sai sự thật, thường là tin giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức”.

Tin giả được tạo ra bằng nhiều hình thức tinh vi. Đặc biệt, hiện nay nhiều đối tượng đã sử dụng CNTT làm giả tiếng, giả hình, giả video để tạo ra tin giả.

- Giả hình: Công nghệ cắt ghép tạo hình ảnh người giả y như thật để tạo ra tin tức giả, nhiều người nổi tiếng đã là nạn nhân. Và nguy hại hơn nếu họ cắt ghép với hình ảnh những chính trị gia, người có uy tín cộng đồng để tạo dư luận giả.

- Giả tiếng: Sử dụng công nghệ TTP (công cụ chuyển văn bản thành tiếng nói - text to speech) để tạo ra các cuộc gọi tự động với giọng robot thu sẵn. Từ nhiều năm trước đã có những người sử dụng công nghệ này để thay họ đọc thông tin, tin tức do họ "xào nấu" ra. Hiện nhiều người đang dùng công nghệ này cho các chương trình trên YouTube.

- Giả video: Thực hiện bằng cách cắt ghép hình ảnh người dẫn chương trình lồng vào dẫn bản tin giả. Clip giả nhưng có người dẫn chương trình sống động như thật. Loại hình ảnh giả này "buộc" người xem nghĩ đó là những thông tin thật vì có hình ảnh quen mặt của người dẫn chương trình truyền hình.

Tin giả có thể được tạo và lan truyền nhằm các mục đích sau:

- Chính trị: Tin giả được lợi dụng vào các âm mưu chính trị và làm rối loạn XH.

- Thương mại: Ngày càng nhiều người biết cách tận dụng công cụ hiện đại, những nền tảng mạng xã hội để phát tán thông tin giả. Số lượng tin giả đối với doanh nghiệp, kinh doanh cũng tăng lên tỷ lệ thuận với tin giả trong các lĩnh vực khác nói chung.

c) Xử lý hành vi tạo và lan truyền tin giả:

- Điều 101, Nghị định 15 quy định phạt tiền từ 10-20 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc.

- Nghị định 15 quy định rất cụ thể các hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội mạng. Mức phạt lên đến 80 triệu đồng đối với hành vi gửi hoặc phát tán thư điện tử rác, tin nhắn rác, phần mềm độc hại (tăng cao so với mức xử phạt được quy định tại Nghị định 174/2013/NĐ-CP chỉ từ 40-50 triệu đồng). Riêng đối với hành vi không ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác thì mức phạt tiền sẽ từ 180-200 triệu đồng.

- Đối với các hành vi kể trên, ngoài phạt tiền còn bị áp dụng thêm các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả như: đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ từ 1-3 tháng; tước quyền sử dụng mã số quản lý, tên định danh từ 1-3 tháng; buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông.

- Ngoài phạt tiền, người vi phạm còn bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: gỡ bỏ thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm.

## **2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH**

Theo Điều 8 Luật an ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:
  - + Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;
  - + Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - + Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;
  - + Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;
  - + Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;
  - + Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.
- Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.
- Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình

tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

- Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

- Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

- Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Theo Khoản 1, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

- + Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;
- + Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;
- + Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Theo Khoản 2, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm:

- + Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;
- + Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

### **3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội**

- Hình thức Phishing: Đây là hình thức chiếm đoạt một tài khoản facebook phổ biến nhất hiện nay và cho đến bây giờ nó vẫn là cách được hacker sử dụng nhiều nhất. Không riêng gì facebook mà hầu hết các loại website nào mà có account đăng nhập đều sử dụng được hình thức này.

- Dò mật khẩu: Sau phishing facebook thì đây là một hình thức phổ biến tuy xác suất thành công không cao nhưng không thể không nói đến nó vì có nhiều người dùng sử dụng những mật khẩu quá đơn giản kiểu như: 123456, matkhu, số điện thoại, họ và tên... Đây là những sai lầm ở phía người dùng khi đặt mật khẩu facebook.

- Sử dụng trojan, Keylog: Kẻ tấn công sẽ chèn một đoạn mã vào một ứng dụng, tập tin nào đó rồi gửi thông qua inbox, comment trên facebook hay bất cứ đâu. Khi người dùng click vào đường dẫn đó thì ứng dụng, tập tin đó sẽ được tự động tải về máy, sau đó keylog sẽ ghi lại tất cả những thao tác trên bàn phím của người dùng rồi gửi về cho kẻ tấn công.

- Sử dụng chương trình khuyến mãi – trúng thưởng hay Mini Game: Hacker sẽ giả chương trình trúng thưởng – khuyến mãi trên danh nghĩa của Facebook (trúng thưởng xe máy, ô tô, tiền mặt... có giá trị cao) và yêu cầu người dùng xác nhận bằng cách truy cập vào đường link lạ.

- Lỗ hổng bảo mật facebook: Là hình thức tấn công nick facebook mạng tên “3 Friends”. Đây là hình thức lấy lại mật khẩu của facebook thông qua việc sử dụng 3 người



bạn facebook bất kì trong danh sách bạn bè. Ví dụ khi bạn quên mật khẩu thì bạn có thể gửi yêu cầu để facebook gửi 3 mã code về cho 3 người bạn này.

#### **4. Chiếm quyền giám sát Camera IP**

- Cách thứ nhất: Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera bằng cách Quét (Scan) IP và Port của Camera rồi sau đó Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép. Cách này rất phổ biến, bởi đa số người dùng camera hiện tại thường sử dụng Password mặc định của nhà cung cấp.

- Cách thứ hai: Hacker sẽ dùng một phần mềm gián điệp cài trên Camera quan sát để tạo thành một mạng Botnet sử dụng trong một hình thức tấn công nổi tiếng đó là DDOS.

#### **5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

- Kịch bản lừa đảo thông báo trúng thưởng với giải thưởng cực lớn đang quay trở lại hoành hành trên Facebook. Sau khi chiếm đoạt tài khoản Facebook cá nhân, nhiều đối tượng còn tung ra nhiều chiêu trò để lừa đảo khiến nhiều người dùng mất đi một khoản tiền không hề nhỏ. Ngay sau khi có tài khoản đã được đánh cắp, đối tượng sẽ thực hiện ngay việc chat với bạn bè, người thân hỏi thăm về sức khỏe, công việc và sau đó nhờ nhận hộ một số tiền chuyển từ nước ngoài về. Nạn nhân không biết tài khoản Facebook kia đã bị tấn công nên tin tưởng và sẵn sàng giúp đỡ.

- Không chỉ vậy, nạn nhân còn có nguy cơ bị tấn công lấy tài khoản ngân hàng thông qua hình thức tấn công phishing. Sau khi thống nhất số tiền sẽ chuyển, đối tượng lừa đảo dùng một số điện thoại từ nước ngoài sẽ gửi 1 tin nhắn giả mạo thông báo từ Western Union đến số điện thoại của nạn nhân với nội dung đề nghị truy cập đường link trong tin nhắn SMS và xác nhận để có thể nhận được tiền Western Union.

- Nạn nhân không biết đây là trang web phishing (một hình thức lừa đảo giả mạo các tổ chức uy tín như ngân hàng) nên đã nhập các thông tin tài khoản, mật khẩu internet banking vào trang web giả mạo rồi gửi đi và đối tượng lừa đảo sẽ nhận được. Từ đó, đối tượng lừa đảo dùng thông tin internet banking vừa chiếm được từ nạn nhân để thực hiện giao dịch qua cổng thanh toán trực tuyến VTC Pay và cổng thanh toán VNPAY.

#### **6. Deep web và Dark web**

##### **a) Deep web**

- Web trên bề mặt (tiếng Anh: Surface web): Theo tạp chí PC Magazine, web bề mặt là một phần web có sẵn cho công chúng, hoàn chỉnh với những liên kết được công cụ tìm kiếm lập chỉ mục. BrightPlanet, một dịch vụ web thông minh, xác định web bề mặt chỉ chứa những trang web được lập chỉ mục và có thể được tìm kiếm bởi các công cụ tìm kiếm phổ biến như Google, Bing, Yahoo. Đôi khi, chúng còn được gọi là web hữu hình. Web bề mặt thường bao gồm những trang web có tên miền kết thúc bằng .com, .org, .net, .vn hoặc các biến thể tương tự. Nội dung của các trang web này không yêu cầu bất kỳ cấu hình đặc biệt nào để truy cập.

- Web chìm (tiếng Anh: Deep web) hay còn gọi là web ẩn (invisible web, undernet, hay hidden web) là từ dùng để chỉ các trang hoặc nội dung trên thế giới mạng World Wide Web không thuộc về Web nổi (surface Web). Chúng gồm những trang không được đánh dấu, chỉ mục (index) và không thể tìm kiếm được khi dùng các công cụ tìm kiếm thông thường.

- Web chìm bao gồm nhiều ứng dụng rất phổ biến như web mail và ngân hàng trực tuyến nhưng nó cũng bao gồm các dịch vụ mà người dùng phải trả tiền, và được bảo vệ bởi một paywall, như video theo yêu cầu, một số tạp chí và báo chí trực tuyến, và nhiều hơn nữa.

#### b) Dark web

- Mỗi thiết bị được kết nối với Internet đều có địa chỉ IP (Internet protocol) duy nhất. Tên và địa chỉ vật lý của một người có thể có được thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet với sự cho phép hợp pháp, còn IP cho phép bất cứ ai xác định vị trí của máy tính được kết nối. Do đó, các bên liên quan sẽ dễ dàng tìm được một người sử dụng Internet cụ thể.

- Với mong muốn ẩn danh - đặc biệt là chính phủ khi tìm cách bảo vệ những thông tin, mạng lưới tình báo nhạy cảm - đã dẫn đến sự ra đời và phát triển của The Onion Router (Tor) do đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm nghiên cứu Hải Quân Hoa Kỳ tạo ra. Tên Onion (củ hành) bắt nguồn từ việc bạn phải lột ra nhiều "lớp vỏ" để có thể tìm thấy danh tính thật sự của người dùng.

- Tor, được phát hành miễn phí cho người dùng vào năm 2004, cung cấp sự riêng tư bằng cách mã hóa và điều hướng lưu lượng truy cập thông qua một sê-ri "đường hầm ảo (virtual tunnel)", phân phối các giao dịch qua nhiều máy tính ngẫu nhiên trên Internet, do đó, không một máy tính nào liên kết người dùng đến cơ sở hoặc điểm đến của họ. Không giống như những trang web bề mặt (kết thúc bằng .com, .org, .net hoặc các biến thể tương tự), các trang Tor kết thúc bằng onion và chỉ có thể được mở bằng phần mềm Tor.

- Dark web (tạm dịch: web tối) là những nội dung mạng World Wide Web không thể truy cập bằng những cách thông thường mà phải sử dụng các phần mềm chuyên biệt. Dark web là một phần nhỏ của deep web, một thế giới mạng mà các công cụ tìm kiếm như Google hay Bing không hiển thị ra.

- Một số hoạt động thường thấy ở Dark Web:

+ Chợ đen: Nhiều hoạt động thương mại bất hợp pháp diễn ra trên Dark web, ví dụ như: buôn bán tiền giả, thẻ ngân hàng hay tài khoản mạng bị đánh cắp, súng, ma túy và các chất kích thích, các sản phẩm không rõ nguồn gốc khác.

+ Khủng bố: Vì tính ẩn danh cao, nhiều tổ chức tội phạm khủng bố như IS sử dụng không gian Dark web để phát tán các nội dung đến người dùng. Nói đến khủng bố thì không chỉ là IS mà còn có các tổ chức Mafia khác sử dụng mạng lưới này, đã từng có trường hợp chúng nhận hợp đồng thanh toán một người và hợp đồng đó đã ở trạng thái được thực thi.

+ Khiêu dâm: Khiêu dâm trẻ em, ngược đãi hoặc làm tình với động vật, phát tán video quay lén là những nội dung hiện hữu trên dark web. Các nội dung này đều bị các tổ chức bảo vệ trẻ em cũng như các nước trên thế giới lên án và cố gắng dẹp bỏ

+ Lừa đảo: Không hiếm những trường hợp lừa tiền hoặc thanh toán người khác trên Dark Web được thực thi.

### **III. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

#### **1. Cơ sở pháp lý**

##### **a) Bộ luật Hình sự năm 2015**

- Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Gọi tắt là Bộ luật Hình sự) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

- Bộ luật hình sự gồm 26 Chương và 526 Điều;

Trong đó các Điều khoản trong luật thực hiện với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng được quy định tại Mục 2. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông Chương XII gồm các Điều 285 đến 294.

b) Luật An toàn thông tin 2015

- Luật An toàn thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.
- Luật An toàn thông tin mạng gồm 08 Chương và 54 Điều, bao gồm:
  - Chương I. Những quy định chung
  - Chương II. Bảo đảm an toàn thông tin mạng
  - Chương III. Mật mã dân sự (
  - Chương IV. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng
  - Chương V. Kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng
  - Chương VI. Phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng
  - Chương VII. Quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng
  - Chương VIII. Điều khoản thi hành

c) Luật An ninh mạng 2018

- Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.
- Luật An ninh mạng gồm 07 Chương, 43 Điều.

Chương I. Những quy định chung,

Chương II. Bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia,

Chương III. Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng

Chương IV. Hoạt động bảo vệ an ninh mạng

Chương V. Bảo đảm hoạt động bảo vệ an ninh mạng

Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Chương VII. Điều khoản thi hành

## 2. Các biện pháp

- Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.

- Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng.

- Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách an ninh mạng, lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường trong giáo dục nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng.

Trách nhiệm của sinh viên

Một là, Mỗi cá nhân cần nghiên cứu, hiểu rõ ý nghĩa, giá trị, nội dung của Luật An ninh mạng, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm và những hành vi bị cấm khi tham gia hoạt động trên không gian mạng.

Theo đó, Luật An ninh mạng nhằm bảo vệ người dùng hợp pháp trên không gian mạng; phòng ngừa, đấu tranh, làm thất bại hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm

an ninh quốc gia, chống Nhà nước, tuyên truyền phá hoại tư tưởng, phá hoại nội bộ, kích động biểu tình, phá rối của các thế lực phản động. Phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó, khắc phục hậu quả của các đợt tấn công mạng, khủng bố mạng và phòng, chống nguy cơ chiến tranh mạng.

Luật An ninh mạng quy định rõ những hành vi bị cấm như: sử dụng không gian mạng để tuyên truyền chống Nhà nước; tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước; xuyên tạc lịch sử...). Những quy định này không xâm phạm đến quyền con người, không cản trở tự do ngôn luận, không tạo rào cản, không cản trở hoạt động bình thường, đúng luật của các tổ chức, cá nhân như những thông tin trên mạng xã hội, blog, web phản động tuyên truyền, xuyên tạc trong thời gian vừa qua. Thực hiện đúng Luật, nghĩa là bảo vệ chính mình, người thân và gia đình, đồng thời, góp phần bảo vệ an ninh mạng quốc gia.

Hai là, Tự trau dồi kỹ năng nhận diện âm mưu, thủ đoạn gây nguy cơ mất an ninh mạng, nhất là âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nhận diện được các tổ chức chống đối hoạt động trên không gian mạng như Việt Tân, Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời...; các thủ đoạn tạo vỏ bọc “xã hội dân sự”, “diễn đàn dân chủ”, để chống phá; các website giả mạo, các trang mạng có nhiều nội dung thông tin xấu, độc.

Mỗi người cần nắm chắc các thủ đoạn tấn công mạng như đánh sập các website; cài găm vào máy tính cá nhân hoặc lấy tài khoản và mật khẩu; đánh cắp dữ liệu cá nhân (hình ảnh, video); tấn công bằng mã độc (theo tệp đính kèm trong email hoặc ẩn trong quảng cáo Skype); tấn công ả danh bằng những phần mềm độc hại; tấn công qua USB, đĩa CD...

Ba là, Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ khi tham gia mạng xã hội. Nghiên cứu kỹ trước khi like hoặc chia sẻ các file, các bài viết hoặc các đường link; cảnh giác với trang web lạ (web đen), E-mail chưa rõ danh tính và đường dẫn đáng nghi ngờ; tuyệt đối không a dua, hiếu kỳ, hoặc tham tiền bạc cùng với những lời kích động, xúi giục của các đối tượng xấu. Kịp thời cung cấp thông tin, thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có trách nhiệm.

Sử dụng tốt các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin như tạo thói quen quét virus; thực hiện sao lưu dự phòng trên ổ cứng ngoài, trên mạng nội bộ hoặc trên các dịch vụ lưu trữ đám mây; kiểm tra lộ lọt thông tin tài khoản cá nhân qua Trung tâm xử lý tấn công mạng Việt Nam. Khi phát hiện bị tấn công mạng, nhanh chóng ngắt kết nối mạng; sử dụng các công cụ giải mã độc; báo cho người có trách nhiệm qua đường dây nóng.

Bốn là, cần biết cách tận dụng, sử dụng mạng xã hội một cách đúng đắn và hiệu quả, biến mạng xã hội thành một phương tiện, một kênh hữu ích để mở mang kiến thức, cùng nhau xây dựng môi trường văn hóa mạng xã hội lành mạnh, tránh bị các thông tin ảo chi phối tác động, góp phần phòng chống, ngăn chặn những tư tưởng, quan điểm sai trái, thù địch một cách có hiệu quả.

Năm là, Phổ biến, tuyên truyền trong gia đình, người thân, bạn bè và Nhân dân nơi cư trú các quy định của Luật An ninh mạng để mọi người nắm, hiểu và không thực hiện các hành vi vi phạm liên quan đến an ninh mạng, góp phần xây dựng “không gian mạng lành mạnh từ cơ sở”.

## KẾT LUẬN

Không gian mạng và một số loại hình dịch vụ, ứng dụng trên không gian mạng luôn bị các thế lực thù địch, phản động sử dụng để phát tán thông tin kêu gọi biểu tình, tụ tập trái phép phá rối an ninh trật tự, kích động bạo loạn, khủng bố... Hoạt động sử dụng không gian mạng để xâm phạm trật tự, an toàn xã hội ngày càng gia tăng và phức tạp như đánh bạc, lừa đảo, đánh cắp tài khoản ngân hàng, rửa tiền, mại dâm, ma túy...

Tình trạng đăng tải thông tin xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, xúc phạm tôn giáo; lan truyền thông tin sai sự thật, làm nhục, vu khống tổ chức, cá nhân... diễn ra tràn lan trên không gian mạng, nhưng chưa có biện pháp quản lý hữu hiệu, dẫn tới nhiều hậu quả đáng tiếc về nhân mạng, tinh thần.

Do vậy, an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng là cần thiết và theo xu hướng chung trên thế giới về quy định pháp lý bảo đảm ANM; đáp ứng yêu cầu thực tiễn chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm ANM, bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đặc biệt, không cản trở tự do internet và tự do ngôn luận lành mạnh và được pháp luật bảo hộ của người dân ở Việt Nam.

### **HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

1. Trình bày thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam?
2. Trình bày các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng?
3. Trình bày các biện pháp chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

## **BÀI 7: AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM**

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh trên các địa bàn chiến lược; sẵn sàng ứng phó hiệu quả với thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn, cứu hộ. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình quan trọng, các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của đất nước. Chủ động rà soát bổ sung phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự trong đại dịch Covid -19, tạo môi trường an ninh, an toàn để phục hồi phát triển kinh tế - xã hội”.

### **I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU**

#### **a. Mục đích:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Nhằm giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong phòng, chống sự phá hoại của các thế lực thù địch, trong đó có sự phá hoại bằng an ninh phi truyền thống góp phần làm thất bại sự chống phá của các thế lực thù địch, bảo đảm “sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ”, “sự bất khả xâm phạm, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”.

#### **b. Yêu cầu:**

Đây là nội dung mới và khó bởi “An ninh phi truyền thống” là một khái niệm mới xuất hiện và được bàn đến khá nhiều trong thời gian gần đây. Là vấn đề lớn mà các quốc gia dân tộc trên thế giới quan tâm, Việt Nam là một trong những quốc gia bị tác động rất lớn. Đòi hỏi sinh viên phải tập trung cao độ để nghiên cứu kỹ và sâu chuyên đề này nhằm góp phần làm vô hiệu hóa mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với cách mạng nước ta.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Những khái niệm cơ bản về an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.**

#### **a. Khái niệm về an ninh truyền thống.**

An ninh truyền thống là khái niệm đã có từ thời chiến tranh lạnh, đồng nghĩa với khái niệm an ninh quốc gia, đề cập tới an ninh quốc gia cũng chính là an ninh truyền thống. Nội dung cơ bản của an ninh quốc gia chính là bảo vệ lợi ích của quốc gia, loại trừ những uy hiếp đối với lợi ích cơ bản đó. Mục tiêu của an ninh quốc gia chính là củng cố nền tảng vững chắc bên trong, phòng ngừa sự xâm nhập, tiến công quân sự từ bên ngoài nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền và thể chế chính trị quốc gia.

Nội dung của an ninh truyền thống hay an ninh quốc gia chính là an ninh chính trị, an ninh quân sự, an ninh xã hội.

Trọng tâm bảo đảm an ninh quốc gia chính là bảo vệ lợi ích và chủ quyền quốc gia, bảo vệ an ninh chính trị, an ninh quân sự và an ninh, an toàn xã hội.

Trong quá trình đổi mới đất nước, quan niệm về an ninh cũng có những nhận thức đầy đủ hơn. Đảng ta khẳng định, kinh tế - xã hội phát triển, tăng trưởng kinh tế không chỉ tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật, nguồn lực để tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, mà còn tạo cơ sở chính trị - xã hội thuận lợi cho việc nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia. Từ đó, quan niệm về an ninh truyền thống, an ninh quốc gia được mở rộng, đầy đủ hơn, mang tính tổng hợp. Đó là an ninh chính trị, an ninh quốc phòng, an ninh đối ngoại, an ninh tư tưởng, văn hóa - xã hội. Như vậy, an ninh quốc gia chính là sự ổn định, bình yên của đất nước, của chế độ; là trạng thái yên ổn, thanh bình trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Những thách thức, nguy cơ đối với an ninh truyền thống là: nguy cơ xâm phạm chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; nguy cơ từ khủng hoảng kinh tế - xã hội, nguy cơ tham nhũng, lãng phí, nguy cơ suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên,..

Phương hướng, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh truyền thống là: Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc đổi mới, bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Phải giữ vững thể chủ động trong bảo đảm an ninh quốc gia, chủ động tiến công và tích cực phòng ngừa trong đấu tranh chống các thế lực thù địch, các loại tội phạm, không để bị động, bất ngờ.

#### **b. Khái niệm về an ninh phi truyền thống**

An ninh phi truyền thống là một khái niệm mới xuất hiện trong vài thập niên gần đây và được sự quan tâm thu hút của dư luận quốc tế. An ninh phi truyền thống có thể hiểu là một loại hình an ninh xuyên quốc gia do những yếu tố phi chính trị và phi quân sự gây ra,

có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, phát triển và an ninh của mỗi nước, khu vực và toàn cầu.

Nội dung của an ninh phi truyền thống là những vấn đề bức thiết đang nổi lên hiện nay như: cạn kiệt tài nguyên, bùng nổ dân số, môi trường sinh thái suy kiệt, xung đột tôn giáo, dân tộc, nghèo đói, bệnh tật, tội phạm rửa tiền...An ninh phi truyền thống ngày càng có biểu hiện sâu đậm trong đời sống quốc tế và thành vấn đề toàn cầu, an ninh toàn cầu. Quá trình toàn cầu hóa quốc tế càng phát triển thì theo đó, an ninh phi truyền thống càng lan rộng hơn và đậm nét hơn.

(Do vậy khái niệm an ninh phi truyền thống luôn luôn là một khái niệm “động”)

Hầu hết vấn đề của an ninh phi truyền thống có tính xuyên quốc gia, quốc tế và toàn cầu. Vậy nên giải quyết các nội dung đó phải là nhiệm vụ mang tính toàn cầu. Cả thế giới đều nhận thức rõ điều đó, nên đã lập ra nhiều tổ chức, nhiều cơ quan chức năng mang tầm quốc tế của Liên hợp quốc hoặc của các khu vực để giải quyết. Có những cuộc hội nghị với quy mô tầm cỡ thế giới, hàng trăm các nguyên thủ hoặc lãnh đạo chủ chốt các quốc gia tham dự như vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái của trái đất. Tuy nhiên, hầu như tất cả các cuộc hội thảo dù lớn đến đâu cũng khó có thể giải quyết được các việc đó một cách trọn vẹn. Ai cũng biết kinh tế càng phát triển càng sử dụng nhiều tài nguyên và làm cạn kiệt tài nguyên, không tái sinh; quá trình sản xuất của nhiều ngành cũng đồng thời làm ô nhiễm môi trường sinh thái. Vậy, trách nhiệm của việc gây ô nhiễm môi trường trên toàn cầu trước hết phải thuộc về các nước phát triển và tiếp đó mới là các nước đang phát triển. Hiện nay, việc cân đong đo đếm những biến đổi tai hại của môi trường do quá trình sản xuất, sinh hoạt của con người gây ra là có thể làm được; cách thức để xử lý vấn đề có thể nghiên cứu và tìm được các giải pháp. Khó nhất của việc giải quyết các vấn đề của an ninh phi truyền thống toàn cầu chính là việc đồng thuận giữa các quốc gia trong việc đóng góp những chi phí khắc phục.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng yêu cầu phải: “sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống”.

### c. Nhận diện an ninh phi truyền thống

- An ninh phi truyền thống là những vấn đề ảnh hưởng lớn trên nhiều lĩnh vực, không chỉ đe dọa đến an ninh quốc gia, đến cộng đồng người trong phạm vi một nước hoặc một số nước mà còn đe dọa tới toàn thể nhân loại.

- Những vấn đề đó là: cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thảm họa thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, ma túy, tội phạm xuyên quốc gia, buôn bán phụ nữ và trẻ em, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế, tội phạm công nghệ cao.

## **III. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ ĐE DỌA TỪ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG.**

Một là: Gây mất ổn định của quốc gia

- Hậu quả từ an ninh phi truyền thống có thể gây ra mất ổn định trên nhiều lĩnh vực như: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng – an ninh, đối ngoại,...

- Tác động của an ninh phi truyền thống trên lĩnh vực thông tin có thể gây rối loạn hệ thống mạng của đất nước, dẫn đến sự sụp đổ toàn bộ hệ thống điều khiển của quốc gia; tạo ra các luồng thông tin xuyên tạc, bóp méo sự thật, gây chia rẽ nội bộ, làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Hai là: Làm suy giảm sức mạnh của đất nước.

- Tác động tạo tâm lý hoang mang, lo sợ, làm suy giảm ý chí, quyết tâm và lòng tin của nhân dân vào chế độ; đồng thời có thể làm gia tăng mâu thuẫn xã hội, nhất là giữa các tầng lớp dân cư.

- Kim hãm, thậm chí phá hoại sự phát triển của nền kinh tế gây khó khăn trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng và mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế.

- Làm suy giảm đáng kể khả năng dự trữ và huy động cơ sở vật chất từ nền kinh tế cho nhiệm vụ quốc phòng an ninh cũng như khả năng đầu tư cho quốc phòng an ninh nói chung, để hiện đại hóa quân đội nói riêng.

Ba là: Hình thành nguy cơ xung đột và chiến tranh

- Nguy cơ xung đột và chiến tranh được hình thành từ nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, cả bên trong lẫn bên ngoài; trong đó có các nguyên nhân tác động từ an ninh phi truyền thống, nhất là từ khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, xung đột sắc tộc, dân tộc, ma túy và khai thác tài nguyên...

- Ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột và chiến tranh với nhiều quốc gia thực chất là ngăn chặn, đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống.

- Hiện nay các loại tội phạm về an ninh mạng, buôn bán phụ nữ, trẻ em, tội rửa tiền, buôn bán ma túy và các loại tội phạm trên lĩnh vực thương mại, đầu tư,...vẫn diễn biến phức tạp, là một trong những nhân tố gây mất ổn định, đặc biệt trên các tuyến biên giới, có thể làm tổn hại đến mối quan hệ giữa các nước có cùng chung đường biên giới, khu vực.

- Việt Nam nguy cơ xung đột và chiến tranh từ tác động của an ninh phi truyền thống khó có thể xảy ra. Nhưng không vì thế mà không dự báo để chủ động phòng ngừa.

#### **IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VỚI CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.**

1. Nâng cao nhận thức về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đối với an ninh con người, an ninh cộng đồng, an ninh quốc gia và an ninh nhân loại.

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không của riêng Việt Nam mà mang tính toàn cầu. Do vậy Đảng ta luôn đặt các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gắn liền với an ninh truyền thống, trong đó các mối đe dọa an ninh truyền thống dù vẫn tiềm tàng và biểu hiện dưới các hình thức, mức độ khác nhau song xu hướng hòa bình hợp tác vẫn là chủ đạo còn an ninh phi truyền thống đang nổi lên gay gắt.

+ Các thách thức của an ninh phi truyền thống đang diễn biến phức tạp do mặt trái của toàn cầu hóa, của kinh tế thị trường, của khoa học và công nghệ tạo ra.

+ Các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống bao gồm: an ninh con người, an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, môi trường sinh thái, thiên tai, dịch bệnh, ma túy, HIV/AIDS,...

+ Một số mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống có khả năng chuyển hóa thành an ninh truyền thống đã và từng xảy ra ở một số nước, khu vực trên thế giới như: xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn chính trị.

- Cần làm cho cả hệ thống chính trị, các chủ thể chịu trách nhiệm quản trị an ninh phi truyền thống, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân nhận thức đầy đủ thách thức, tác động, ảnh hưởng của an ninh phi truyền thống đối với đời sống con người, cộng đồng và an ninh quốc gia.



+ Từ nhận thức đó, mỗi chủ thể phải xác định được trách nhiệm của mình để kiên định lập trường tư tưởng, chủ động phòng ngừa và ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thống.

+ Phải làm cho mọi người nhận biết được sự tác hại và uy hiếp trực tiếp của các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống đối với an ninh con người, an ninh cộng đồng, an ninh quốc gia và an ninh nhân loại.

+ Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho các thành phần trong xã hội về mối đe dọa an ninh phi truyền thống có thể bằng nhiều con đường, với nhiều cách thức khác nhau.

## **2. Chủ động, tích cực phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống**

- Chủ động và tích cực đầu tư phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chăm lo bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phân loại từng lĩnh vực an ninh phi truyền thống để xác định cơ chế, phương thức quản trị cho phù hợp.

+ Đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống phát sinh từ rủi ro của thị trường như: an ninh tài chính. Việc chủ động ứng phó phải bắt đầu bằng việc hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, cấu trúc lại chức năng của Nhà nước, nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực của thị trường khi rơi vào khủng hoảng.

+ Đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống phát sinh từ mặt trái của toàn cầu hóa. Tính chủ động thể hiện ở việc thúc đẩy các mối quan hệ quốc tế: song phương, đa phương để phòng ngừa và ứng phó ngay từ chính quốc gia đó, bởi chính từ quốc gia đó có thể phát sinh và lan truyền các mối đe dọa an ninh phi truyền thống như: “an ninh mạng, di cư xuyên biên giới, khủng bố, buôn bán ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em”.

+ Đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống phát sinh từ mặt trái sử dụng thành tựu khoa học công nghệ như: an ninh mạng, một số dịch bệnh... Tính chủ động thể hiện ở việc xây dựng đội ngũ chuyên gia tinh nhuệ có trình độ công nghệ cao, đủ năng lực phòng ngừa và ứng phó đạt hiệu quả cao.

+ Đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống phát sinh từ tranh chấp tài nguyên, năng lượng, nguồn nước... Tính chủ động thể hiện ở định hình một chiến lược đàm phán hòa bình, nhằm đảm bảo tôn trọng lẫn nhau và các bên cùng có lợi. Đồng thời phải có chiến lược thay thế, hạn chế tối đa khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

+ Đối với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống do thiên tai môi trường, biến đổi khí hậu, ...không theo quy luật. Tính chủ động thể hiện ở việc xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, phòng ngừa sớm và bố trí lực lượng tại chỗ và lực lượng chuyên nghiệp để đủ sức ứng phó, cứu hộ, cứu nạn, xử lý các khủng hoảng môi trường, thảm họa thiên nhiên.

- Chủ động tích cực hoàn thiện hệ thống thể chế quản trị an ninh phi truyền thống, nâng cao tính tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật Quốc tế về phòng ngừa và ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thống.

- Chủ động xây dựng lực lượng, đầu tư nguồn lực cho quản trị an ninh phi truyền thống ở từng lĩnh vực, từng địa bàn, từng nội dung cụ thể; thường xuyên diễn tập để tránh rơi và thế bị động khi tình huống xảy ra.

- Giữ vững an ninh chính trị, xử lý các vấn đề dân tộc, tôn giáo một cách khéo léo, giải tỏa các xung đột xã hội phù hợp có lý có tình; phòng ngừa và ngăn chặn chuyển hóa thành xung đột.

- Chủ động thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Lựa chọn khung hợp tác cho phù hợp: Hợp tác song phương, hợp tác đa phương hay hợp tác khu vực với từng nội dung cụ thể. Ưu tiên cho hợp tác quốc tế về quản trị an ninh phi truyền thống đối với những lĩnh vực đe dọa, uy hiếp trực tiếp đến an ninh quốc gia của Việt Nam.

### **3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong quản trị, kiểm soát các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.**

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các tổ chức Đảng các cấp đối với hoạt động quản trị an ninh phi truyền thống qua các Nghị quyết chuyên đề trên từng vấn đề cụ thể. Các Nghị quyết chuyên đề của các tổ chức Đảng từ cơ sở đến Trung ương đều phải đề cập và tính toán đầy đủ, chặt chẽ các hình thức và biện pháp mà an ninh phi truyền thống gây ra.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý Nhà nước về an ninh phi truyền thống. Từ xây dựng hệ thống thể chế đến tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức và chế độ công vụ chuyên nghiệp. Xây dựng lực lượng chuyên trách quản lý an ninh phi truyền thống trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Khắc phục những chông chéo trong quản lý để các cơ quan nhà nước có điều kiện nghiên cứu sâu, tham mưu chính xác và nâng cao năng lực quản lý điều hành trong phòng chống an ninh phi truyền thống.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vai trò, chức năng của mình có nhiệm vụ đoàn kết, tập hợp các lực lượng xã hội để phòng ngừa và ứng phó có hiệu quả với các thách thức và nguy cơ đe dọa từ an ninh phi truyền thống.

- Cộng đồng doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống, bởi nhiều mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống lại phát sinh từ mặt trái của kinh tế thị trường, mà chủ thể của nó chính là các doanh nghiệp.

- Động viên và tạo điều kiện để nhân dân tham gia phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống. Người dân, xét về khía cạnh nào đó nếu nhận thức không đầy đủ về các nguy cơ từ an ninh phi truyền thống, rất có thể vô tình làm phát sinh hoặc phát tán tạo nên hiệu ứng “đám đông” về một lĩnh vực nào đó như: rút tiền gửi tiết kiệm đồng loạt tại các ngân hàng, đổ xô đi mua hàng hóa tạo nên sự khan hiếm giả tạo...

### **4. Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế về phòng ngừa, kiểm soát và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.**

- Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng ta là: Chủ động, tích cực hợp tác với các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống; nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế đi vào thực chất trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế.

- Thống nhất nhận thức, xây dựng cơ chế lòng tin và hoàn thiện khung thể chế giữa các nước về phòng và chống tác động từ an ninh phi truyền thống làm cơ sở cho sự hợp tác quốc tế có hiệu quả thiết thực.

- Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, trong đó có sự hợp tác về phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống thông qua cơ chế và phương thức hợp tác đa tầng, đa dạng, linh hoạt.

- Kịp thời chia sẻ thông tin giữa Việt Nam với các nước trên từng nội dung về các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống thông qua thiết lập cơ chế hợp tác cụ thể và hữu hiệu.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, về chia sẻ thành tựu khoa học – công nghệ về đào tạo nguồn nhân lực và huy động nguồn lực tài chính phục vụ cho việc phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó với các tác động đe dọa từ an ninh phi truyền thống.

## **5. Huy động nguồn lực tài chính bằng nhiều kênh khác nhau để đầu tư cho hoạt động phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.**

- Nguồn tài chính ngân sách

Nguồn tài chính ngân sách hàng năm có được là nhờ thu thuế. Quốc hội phân bổ thông qua kế hoạch tài khóa hàng năm để phục vụ cho chi phí thường xuyên và đầu tư phát triển, trong đó có đầu tư cho hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn, và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống.

- Nguồn tài chính doanh nghiệp

Đây là nguồn tài chính rất quan trọng đóng góp cho việc phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát và ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống. Bởi không ít tác nhân gây ra mối đe dọa an ninh phi truyền thống phát sinh từ các doanh nghiệp, do đó sự tham gia của doanh nghiệp vào các hoạt động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn và ứng phó hiểm họa từ an ninh phi truyền thống có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

- Xây dựng quan hệ đối tác công - tư trong hoạt động phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống.

Đây là phương thức đang được sử dụng phổ biến trên thế giới ngày nay, nhằm kết nối khu vực công và khu vực tư trong một mục tiêu chung bảo đảm an ninh và phát triển bền vững, thiết lập quan hệ đối tác công – tư dưới nhiều dạng khác nhau.

- Nguồn tài chính xã hội hóa với sự đóng góp rộng rãi của nhân dân và của các nhà tài trợ.

Trước các nguy cơ từ an ninh truyền thống ngày càng khó lường, cần thiết phải thiết lập các quỹ phòng ngừa, ứng phó tại chỗ với sự đóng góp của nhân dân với hình thức “tự đóng góp, tự quản lý”, để kịp thời xử lý tại chỗ khi sự việc xảy ra như bão lũ, dịch bệnh... trước khi có sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng Quốc tế.

Do nguồn lực đầu tư của Nhà nước còn hạn chế, nên sự giúp đỡ ủng hộ, tích cực từ nguồn tài chính doanh nghiệp, của các nhà hảo tâm có ý nghĩa rất quan trọng. Nhà nước cần nghiên cứu sớm ban hành hệ thống thể chế, chính sách thúc đẩy khu vực kinh tế phi lợi nhuận phát triển để huy động thêm tài chính từ xã hội đầu tư cho phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn và ứng phó với các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống.

- Nguồn tài chính quốc tế

Xuất phát từ đặc điểm các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, xuyên quốc gia, có những vấn đề mà không một quốc gia nào tự mình có thể giải quyết được như: biến đổi khí hậu, nước biển dâng, an ninh năng lượng, an ninh hàng hải và an ninh hàng không, an ninh mạng, an ninh lương thực, di cư xuyên biên giới,... Vì vậy phải có sự phối hợp về thông tin, lực lượng và chia sẻ nguồn lực tài chính giữa các quốc gia thì mới có thể phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn, ứng phó có hiệu quả, nhất là chia sẻ nguồn lực tài chính giữa các nước giàu và nước nghèo trong điều kiện thế giới phát triển mất cân đối như hiện nay.

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

- Câu 1. Nêu nội dung cơ bản của khái niệm an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống.
- Câu 2. Tại sao nói an ninh phi truyền thống có nguy cơ đe dọa gây mất ổn định đối với quốc gia dân tộc?
- Câu 3. Tại sao phải nâng cao nhận thức về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống đối với an ninh con người, an ninh cộng đồng, an ninh quốc gia và an ninh nhân loại?
- Câu 4. Tại sao phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong quản trị và kiểm soát các mối đe dọa từ an ninh phi truyền thống?

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh đại học, cao đẳng*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2016.
- [2] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng (Dùng cho Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng an ninh)*, Nxb Quân đội nhân dân, 2005.
- [3] *Tài liệu tập huấn Giáo dục quốc phòng và an ninh (năm 2017, 2018, 2019, 2020)*.